

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Trần Hồng Diên
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP THƯƠNG MẠI KHỞI ĐẠT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Hồng Diên
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Hồng Diên

Mã SV:1212401082

Lớp: QT1602K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả
kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 4 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 09 tháng 7 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	3
1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu	4
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu	4
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	5
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	8
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	9
1.5.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	12
1.5.4.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	12
1.5.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	13
1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính.....	14
1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác.....	16
1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp	19
Sơ đồ 1.10 : Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	19
1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán	20
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP THƯƠNG MẠI KHỞI ĐẠT	24
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt	24
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt	24

2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.....	25
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt	25
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.....	27
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.....	28
2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.....	28
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	28
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	39
2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	50
2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.....	62
2.2.3. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.....	66
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP THƯƠNG MẠI KHỞI ĐẠT.....	80
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả nói riêng tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt	80
3.1.1. Ưu điểm.....	80
3.1.2. Hạn chế.....	81
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	81
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh	81
3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh	82
3.4.1. Kiến nghị 1: Hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí	82
3.4.2. Kiến nghị 3: Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	88
3.4.3. Kiến nghị : Áp dụng phần mềm kế toán	89

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt	93
3.5.1. Về phía Nhà nước.....	93
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	93
KẾT LUẬN	94
TÀI LIỆU THAM KHẢO	95

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 : Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8
Sơ đồ 1.2 : Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ....	9
Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp.....	11
kê khai thường xuyên	11
Sơ đồ 1.4 : Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp.....	12
kiểm kê định kỳ	12
Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	14
Sơ đồ 1.6 : Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	15
Sơ đồ 1.7 : Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính.....	16
Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác	18
Sơ đồ 1.9 : Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác	18
Sơ đồ 1.10 : Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	19
Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung	20
Sơ đồ 1.12 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái	21
Sơ đồ 1.13 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ	21
Sơ đồ 1.14 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	22
Sơ đồ 1.15 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy	23
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý trong công ty	25
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH xây lắp	27
thương mại Khởi Đạt.....	27

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu tài chính tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt	25
Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT số HĐ1063.....	29
Biểu số 2.2. Hóa đơn GTGT số HĐ1069.....	31
Biểu số 2.3. Giấy báo có của ngân hàng Á Châu.....	32
Biểu số 2.4. Hóa đơn GTGT số HĐ1072.....	34
Biểu số 2.5. Phiếu thu số 345.....	35
Biểu số 2.6. Trích sổ nhật ký chung.....	36
Biểu số 2.7. Trích sổ cái TK 511	38
Biểu số 2.8. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa).....	40
Biểu số 2.9. Phiếu xuất kho số 1	41
Biểu số 2.10. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa).....	43
Biểu số 2.11. Phiếu xuất kho số 10	44
Biểu số 2.12. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa).....	46
Biểu số 2.13. Phiếu xuất kho số 17	47
Biểu số 2.14. Trích sổ nhật ký chung.....	48
Biểu số 2.15. Trích sổ cái TK 632	49
Biểu số 2.16. Hóa đơn GTGT số 742.....	51
Biểu số 2.17. Phiếu chi số 325	52
Biểu số 2.18. Hóa đơn GTGT số 1011.....	54
Biểu số 2.19. Phiếu chi số 350	55
Biểu số 2.20. Bảng phân bổ tiền lương và BHXH.....	56
Biểu số 2.21. Bảng tính và phân bổ khấu hao.....	58
Biểu số 2.22. Trích sổ Nhật ký chung.....	59
Biểu số 2.23. Trích sổ cái TK 641	60
Biểu số 2.24. Trích sổ cái TK 642	61
Biểu số 2.25. Giấy báo có	63
Biểu số 2.26. Trích Nhật ký chung	64
Biểu số 2.27. Trích Sổ cái TK515.....	65
Biểu số 2.28. Phiếu kế toán số 30	67
Biểu số 2.29. Phiếu kế toán số 31	68
Biểu số 2.30. Phiếu kế toán số 32	69

Biểu số 2.31. Phiếu kế toán số 33	70
Biểu số 2.32. Phiếu kế toán số 34	71
Biểu số 2.33. Trích sổ nhật ký chung.....	73
Biểu số 2.34. Sổ cái TK 911	74
Biểu số 2.35. Sổ cái TK 821	75
Biểu số 2.36. Sổ cái TK 421	76
Biểu số 2.37. Trích bảng cân đối số phát sinh	77
Biểu số 2.38. Bảng báo cáo kết quả kinh doanh	79
Biểu số 3.1. Sổ chi tiết bán hàng.....	83
Biểu số 3.2. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	84
Biểu số 3.3. Sổ chi tiết bán hàng.....	86
Biểu số 3.4. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	87

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

S TT	Cụm từ đầy đủ	Chữ viết tắt	S TT	Cụm từ đầy đủ	Chữ viết tắt
1	Trách nhiệm hữu hạn	TNHH	12	Số hiệu tài khoản đối ứng	SHTKĐƯ
2	Đơn vị tính	ĐVT	13	Bảo hiểm xã hội	BHXH
3	Tài sản cố định	TSCĐ	14	Bảo hiểm y tế	BHYT
4	Giá trị gia tăng	GTGT, VAT	15	Bảo hiểm thất nghiệp	BHTN
5	Tiêu thụ đặc biệt	TTĐB	16	Kinh phí công đoàn	KPCĐ
6	Tài khoản	TK	17	Ngày tháng ghi sổ	NTGS
7	Bán hàng	BH	18	Giấy báo có	GBC
8	Cung cấp dịch vụ	CCDV	19	Số thứ tự	STT
9	Phương pháp	PP	20	Số hiệu	SH
20	Giá vốn hàng bán	GVHB	21	Ngày tháng	NT
11	Thành phẩm	TP			

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong điều kiện kinh tế hiện nay, các doanh nghiệp phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thử thách để tồn tại và phát triển. Vì vậy, vấn đề đặt ra trong sản xuất kinh doanh là làm thế nào để có được lợi nhuận cao nhất, chi phí bỏ ra là thấp nhất. Bên cạnh việc quản lý của người lãnh đạo thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng rất cần thiết. Nó là cơ sở để các chủ doanh nghiệp quản lý, phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh có hiệu quả nhất. Nhận thức được tầm quan trọng đó cùng với kinh nghiệm học hỏi được trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt, em đã chọn nghiên cứu đề tài **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt”**

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- *Đối tượng nghiên cứu*: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.
- *Phạm vi nghiên cứu*: Tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán: Phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu
- Phương pháp thống kê và so sánh.

5. Kết cấu của khóa luận

Kết cấu của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP****1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

**Bán hàng*: là quá trình doanh nghiệp chuyển giao hàng hóa của mình cho khách hàng và khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp

**Sản phẩm sản xuất*: là sản phẩm tự làm ra để sử dụng, hay để trao đổi trong thương mại

**Sản phẩm tiêu thụ*: là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hoá, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng.

**Doanh thu*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**Thời điểm ghi nhận doanh thu*: doanh thu được ghi nhận chỉ khi doanh nghiệp được đảm bảo nhận lợi ích kinh tế từ giao dịch.

**Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

- Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm

+ Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích sinh lời.

+ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: là kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt động tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh.

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

* *Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:*

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

* *Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

+ Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

* *Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia*

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán. (Nếu có)

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán. (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu)

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

* *Nhiệm vụ của kế toán doanh thu:* Phản ánh, ghi chép đầy đủ sự biến động của các loại hàng hóa, dịch vụ bán ra đồng thời tính toán, hạch toán chính xác từng loại doanh thu.

* *Nhiệm vụ của kế toán chi phí:* Ghi chép, phản ánh chi tiết, kịp thời, chính xác các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp

* *Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh:*

Tính toán, kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm xác định kết quả hoạt động kinh doanh đúng đắn đồng thời theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của doanh nghiệp.

1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

**Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp*

- Phương pháp bán hàng trực tiếp:

Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị mất quyền sở hữu về số hàng này.

- Phương thức gửi hàng đi bán:

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ

- Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ không tương tự để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng để đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ khác theo giá bán chưa có thuế GTGT.

- Phương pháp bán hàng đại lý, ký gửi:

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

- Phương thức tiêu thụ nội bộ:

Là việc mua – bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ giữa đơn vị chính và đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty, tập đoàn, liên hiệp xí nghiệp... Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các

khoản sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất, biểu, tặng, trả lương, trả thưởng, xuất dùng cho hoạt động kinh doanh.

**Chứng từ và tài khoản sử dụng*

- Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT

+ Phiếu thu

+ Giấy báo có của ngân hàng...

- Tài khoản sử dụng:

+ TK511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này được sử dụng để phản ánh tổng số doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ và các khoản giảm trừ doanh thu.

+ TK511 cuối kỳ không có số dư và được chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2:

TK5111: Doanh thu bán hàng hóa: được sử dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, vật tư.

TK5112: Doanh thu bán các thành phẩm: được sử dụng ở các doanh nghiệp sản xuất vật chất như: công nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp.

TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ: được sử dụng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.

TK5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá: được dùng để phản ánh các khoản thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước

TK 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

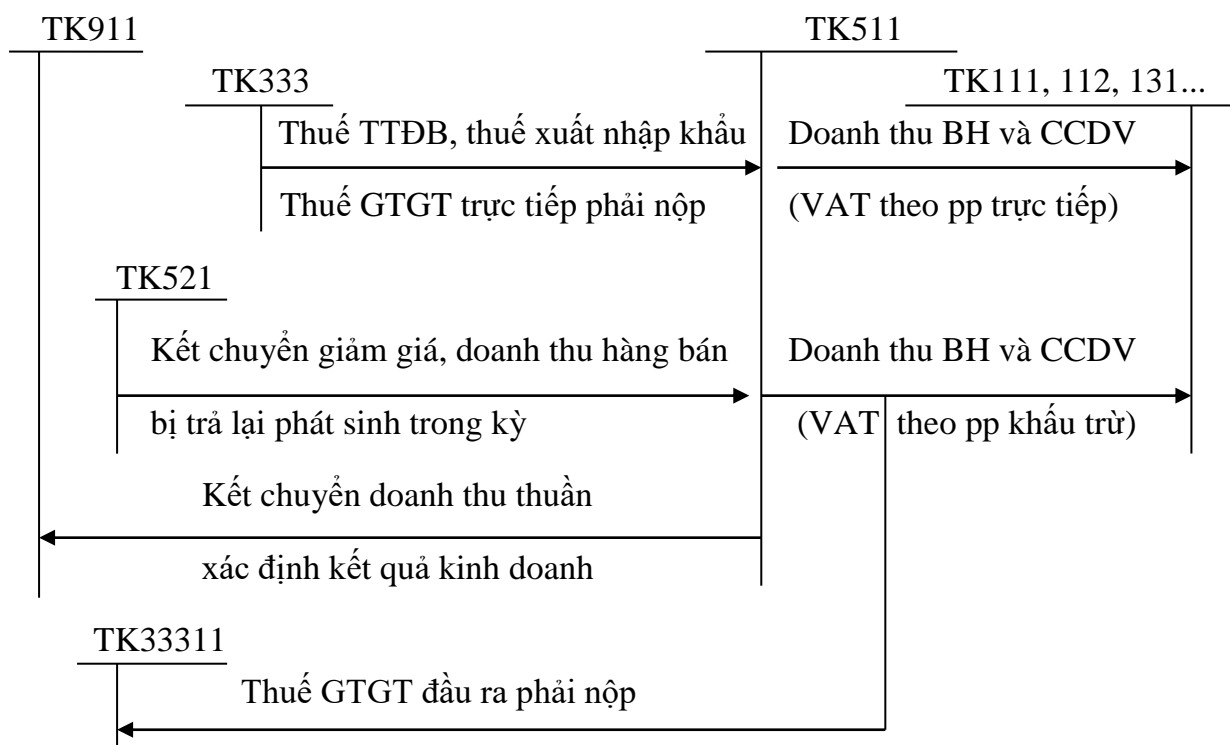
TK5118: Doanh thu khác

+ Kết cấu TK511

Nợ	511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế phải nộp tính trên doanh số bán trong kỳ. - Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại - Kết chuyển doanh thu thuần vào 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, lao vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán

**Phương pháp hạch toán*

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:



Sơ đồ 1.1 : Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

**Chứng từ và tài khoản sử dụng*

- Chứng từ:

+ Hóa đơn GTGT

+ Phiếu chi

+ Giấy báo nợ...

- Tài khoản sử dụng

+ TK 521: Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này được sử dụng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động kinh doanh: chiết khấu thương mại, giá trị hàng bán bị trả lại, và các khoản giảm giá hàng bán cho người mua trong kỳ

+ TK 521 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:

TK5211: Chiết khấu thương mại

TK5212: Hàng bán bị trả lại

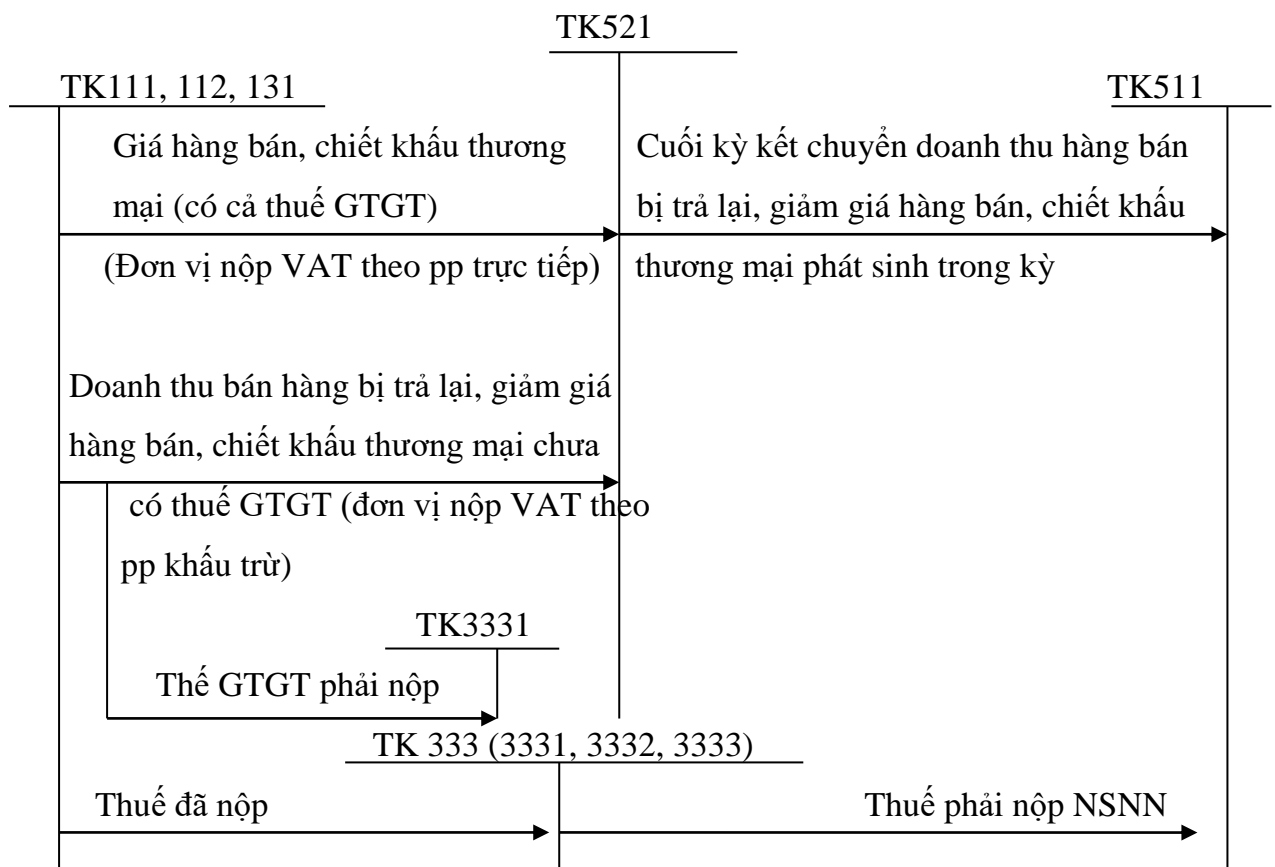
TK5213: Giảm giá hàng bán

+ Kết cấu TK 521

Nợ 521 Có

<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính vào nợ phải thu của khách hàng; - Các khoản giảm giá hàng bán 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển toàn bộ các khoản trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
---	--

*Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2 : Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán

*Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

- Phương pháp bình quân gia quyền

Giá trị từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình doanh nghiệp.

+ Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}$$

+ Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập } j \text{ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập } j \text{ của hàng I}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập } j \text{ của hàng I}}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho. Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp giảm phát.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này giá của từng mặt hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất kho. Khi xuất kho mặt hàng nào thì tính theo giá đích danh của mặt hàng đó

**Chứng từ và tài khoản sử dụng*

- Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu xuất kho

+ Phiếu nhập kho

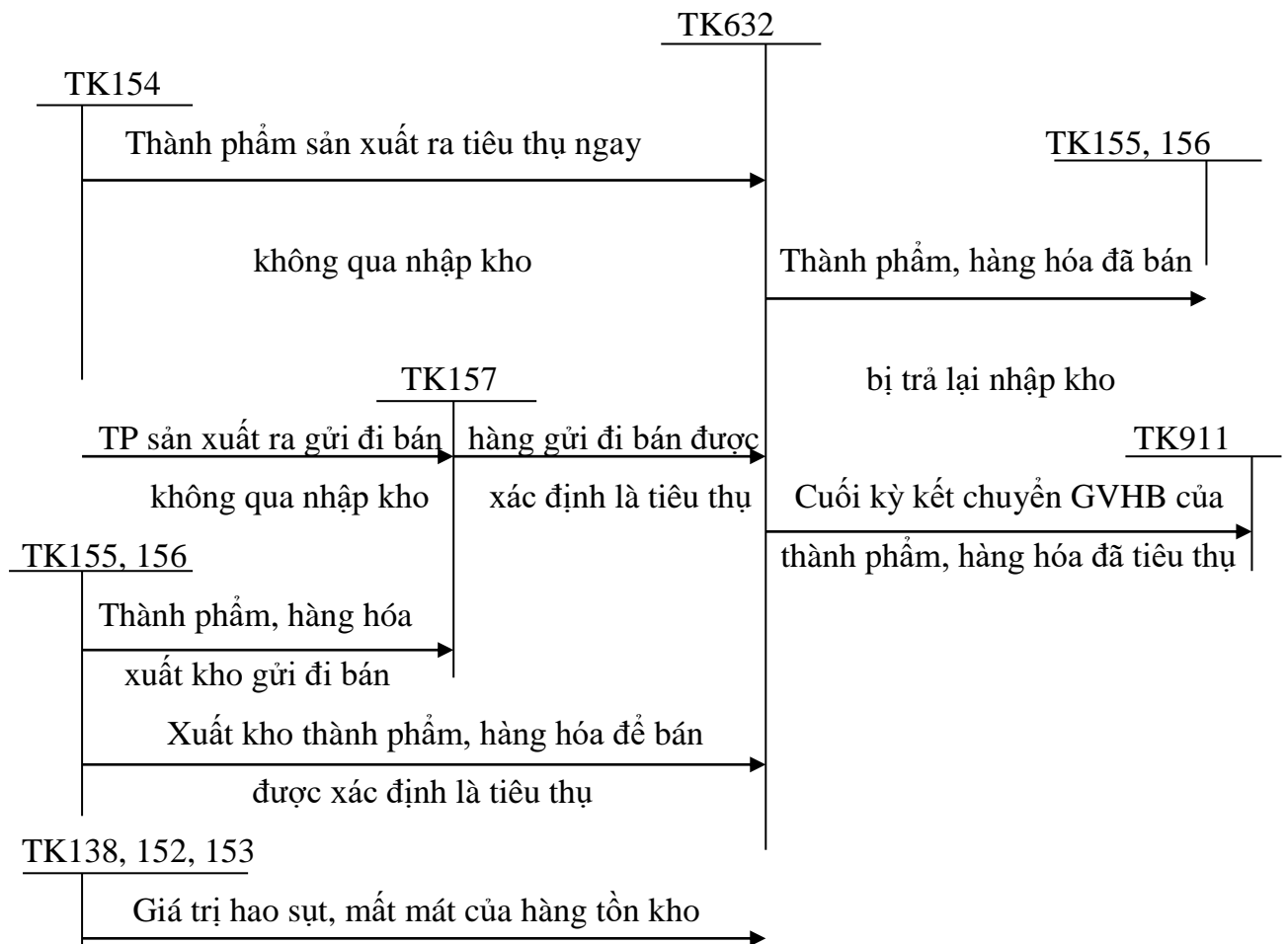
- Tài khoản sử dụng

TK632: Giá vốn hàng bán

Là tài khoản dùng để theo dõi trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, lao vụ, dịch vụ xuất bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán có thể là giá thành công xưởng thực tế của lao vụ dịch vụ hoặc trị giá mua thực tế của hàng hóa tiêu thụ

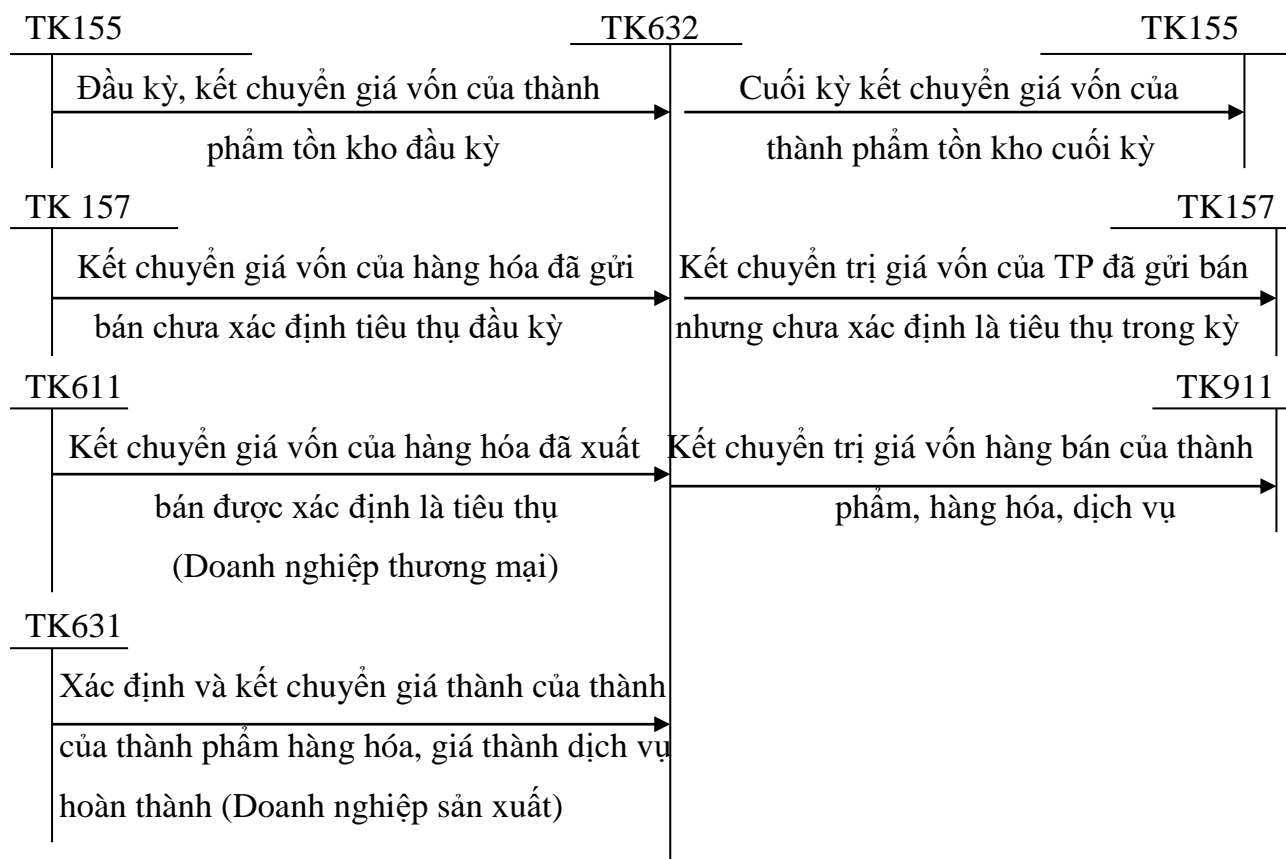
**Phương pháp hạch toán*

- Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



Sơ đồ 1.4 : Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.5.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.5.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

*Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

- + Hoá đơn GTGT
- + Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- + Các chứng từ khác có liên quan...

- Tài khoản sử dụng

- Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bao gồm: chi phí bảo quản, chi phí quảng cáo, đóng gói, vận chuyển, giao hàng, bảo hành sản phẩm, hoa hồng bán hàng ...

- Kế toán sử dụng Tài khoản 641 - "Chi phí bán hàng"

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ và có 7 tài khoản cấp 2:

- + TK 6411: Chi phí nhân viên.
- + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dung
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6415: Chi phí bảo hành.
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

1.5.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

**Chứng từ và tài khoản sử dụng*

- Chứng từ sử dụng:

- + Hóa đơn GTGT
- + Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- + Bảng khấu hao TSCĐ
- + Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội...
- + Các chứng từ gốc có liên quan...

- Tài khoản sử dụng

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm: chi phí hành chính, tổ chức, văn phòng, các chi phí chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Kế toán sử dụng Tài khoản 642 - "Chi phí quản lý doanh nghiệp"

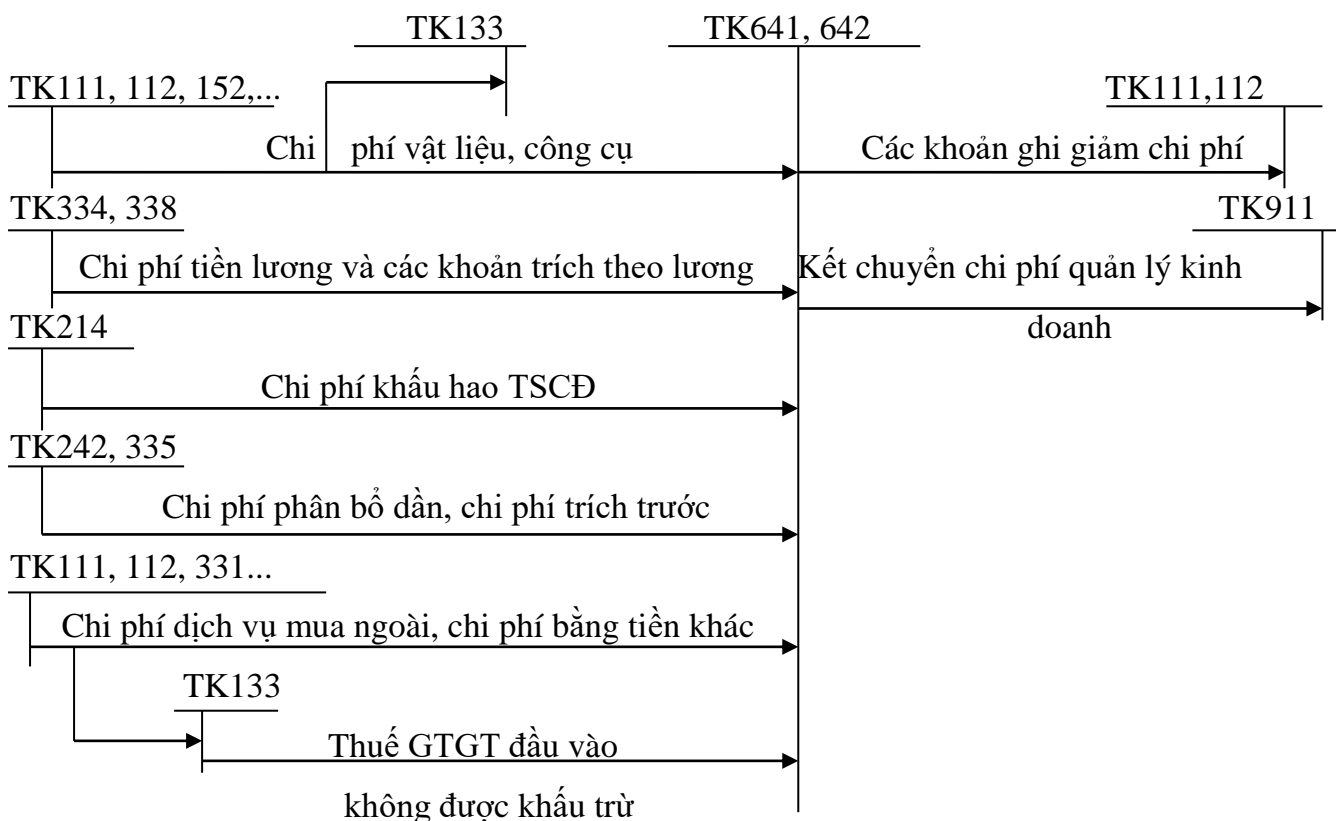
TK 642 không có số dư cuối kỳ và có 8 tài khoản cấp 2

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác
- Kết cấu TK 641,642

- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ

- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911

**Phương pháp hạch toán*



Sơ đồ 1.5 : Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính

**Chứng từ và tài khoản sử dụng*

- Chứng từ sử dụng:
 - + Phiếu thu, phiếu chi
 - + Giấy báo nợ, giấy báo có
 - + Các chứng từ khác có liên quan...
- Tài khoản sử dụng

TK515: Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính gồm: tiền lãi, thu nhập từ cho thuê tài sản; cổ tức, lợi nhuận được chia; thu nhập về hoạt động đồng tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; ...

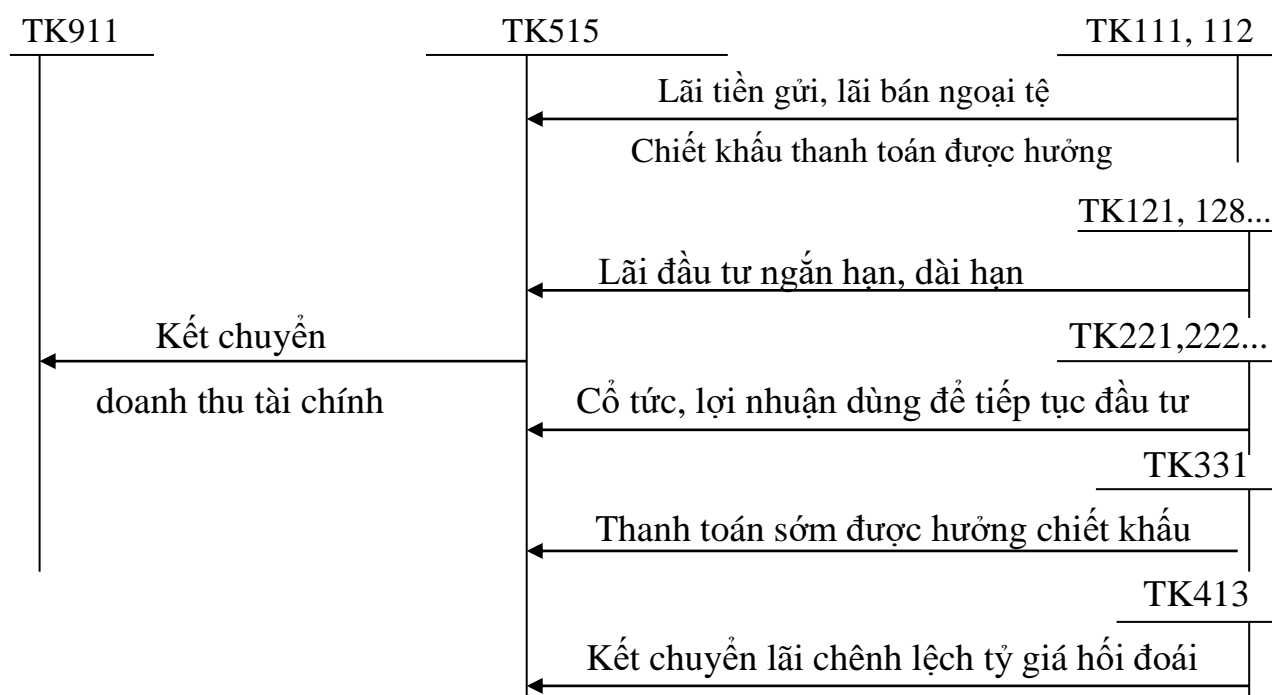
Nợ	515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911 - TK 635: Chi phí tài chính 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

Nợ	635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911

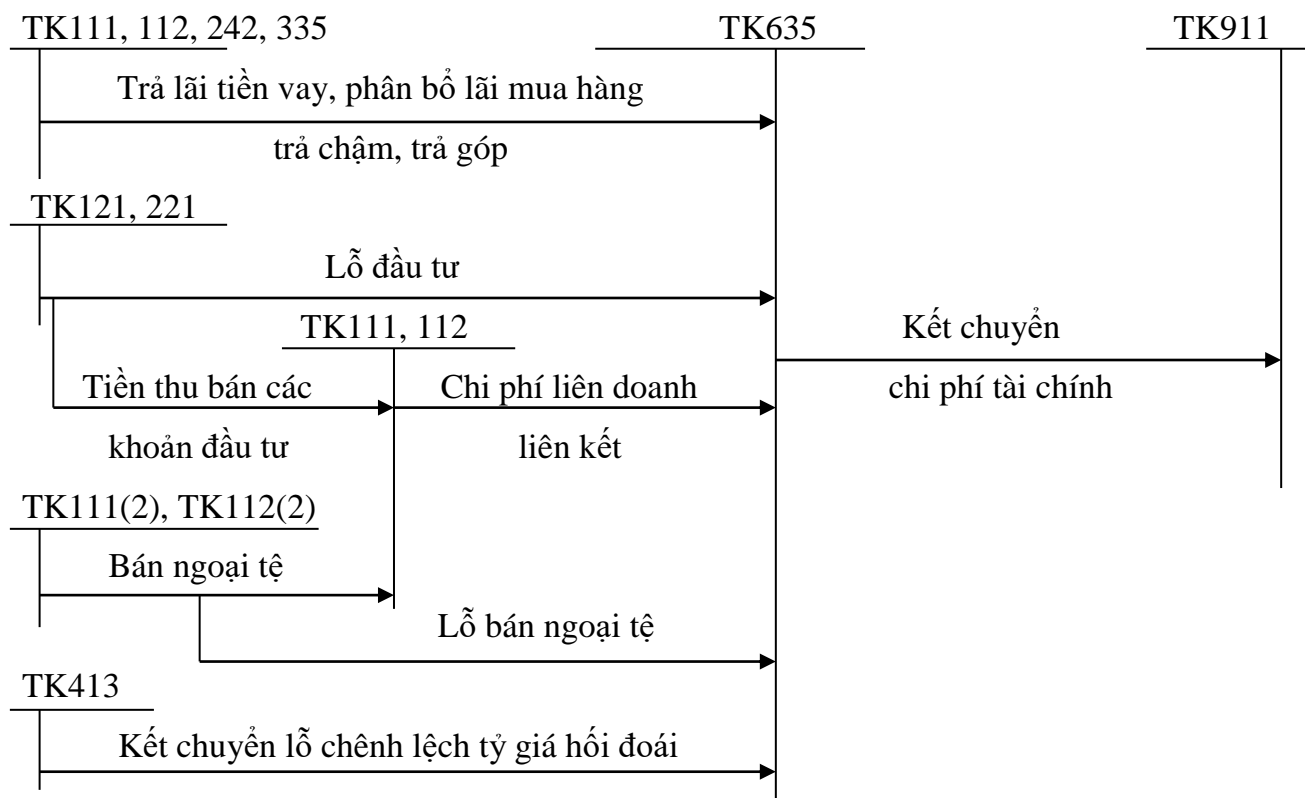
**Phương pháp hạch toán*

- Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.6 : Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

- Phương pháp hạch toán chi phí tài chính

**Sơ đồ 1.7 : Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính****1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác****Chứng từ và tài khoản sử dụng*

- Chứng từ sử dụng
- + Phiếu thu, phiếu chi
- + Biên bản bàn giao, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- + Các chứng từ khác có liên quan...
- Tài khoản sử dụng
- + TK711: Thu nhập khác

Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại; thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân tặng cho DN; các khoản thu nhập khác...

- + Kết cấu TK711

Nợ	711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp - Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 - TK 811: Chi phí khác 		<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

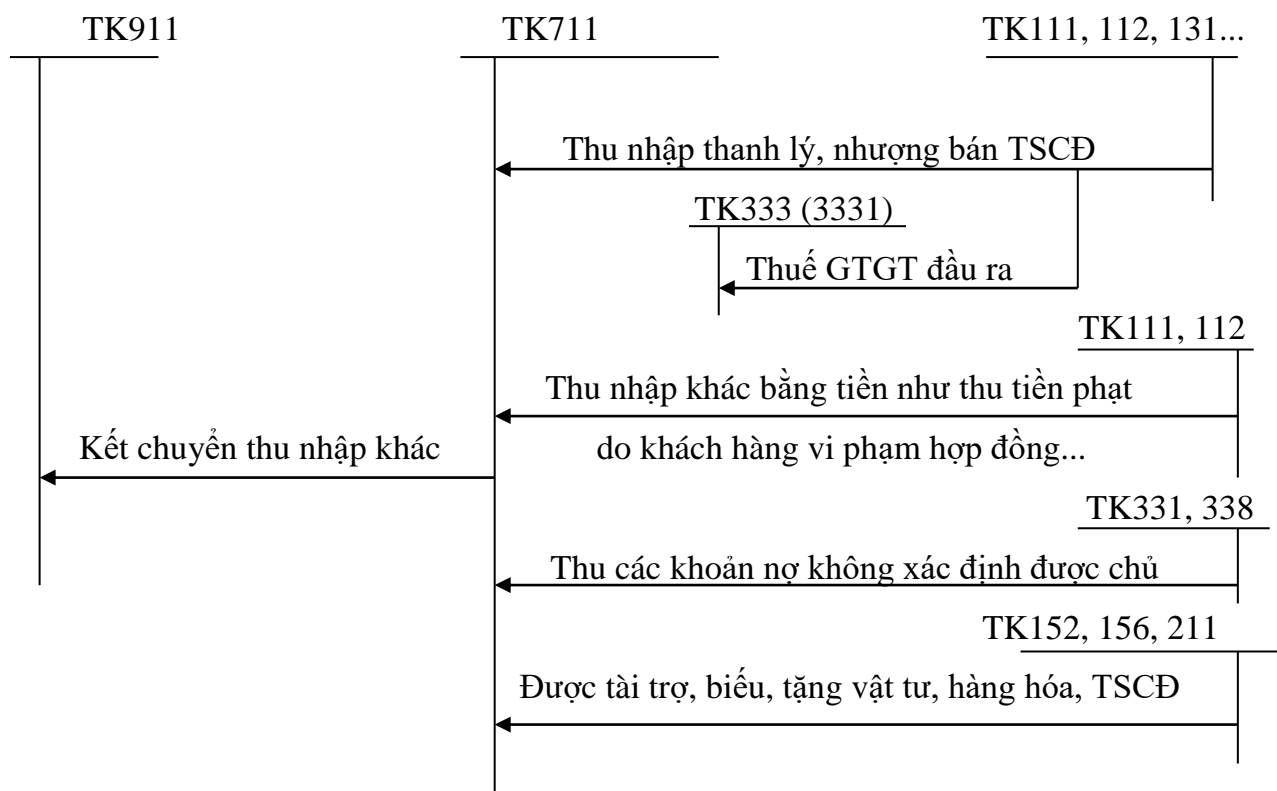
Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản chi phí xảy ra không thường xuyên, riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; Các khoản chi phí khác...

+ Kết cấu TK811:

Nợ	811	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911

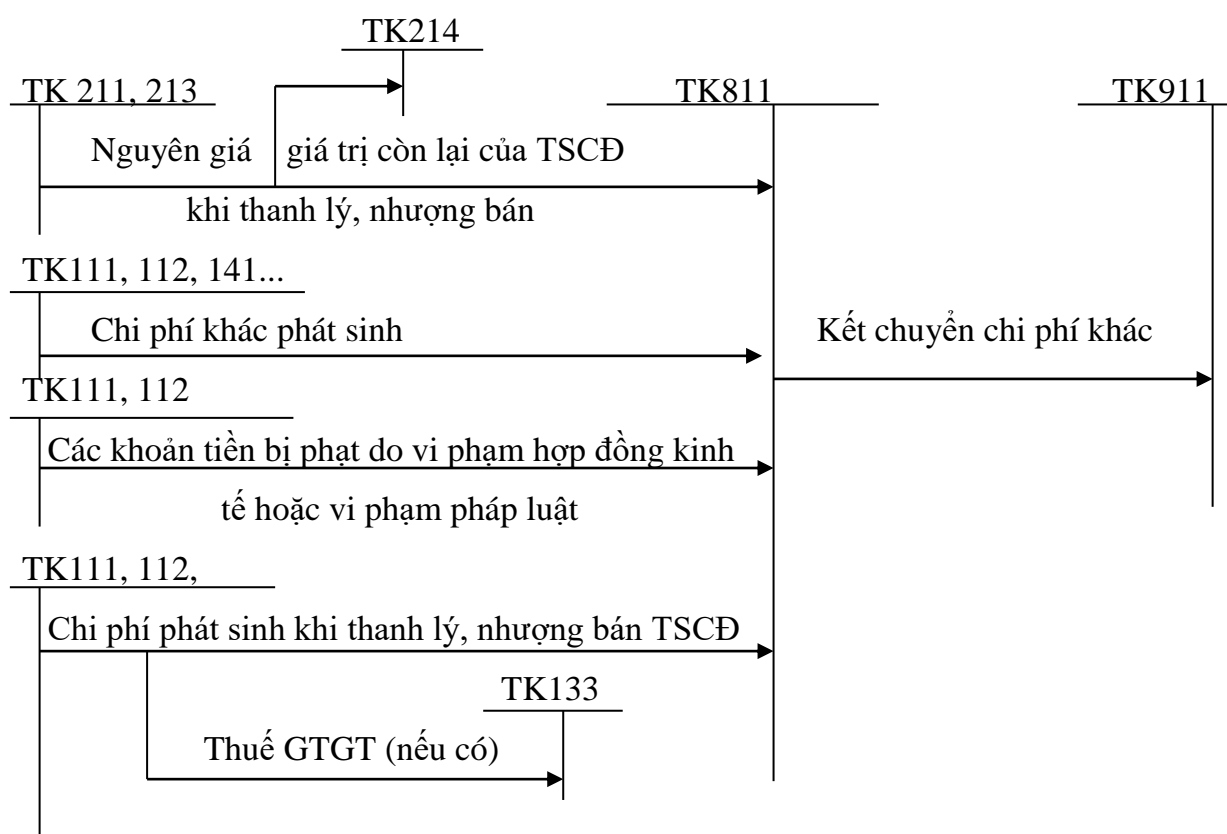
*Phương pháp hạch toán

- Phương pháp hạch toán thu nhập hoạt động khác



Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác

- Phương pháp hạch toán chi phí hoạt động khác



Sơ đồ 1.9 : Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác

1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

**Chứng từ và tài khoản sử dụng*

- Chứng từ sử dụng
- + Phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng
- + TK421: Lợi nhuận chưa phân phối
- + TK821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- + TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

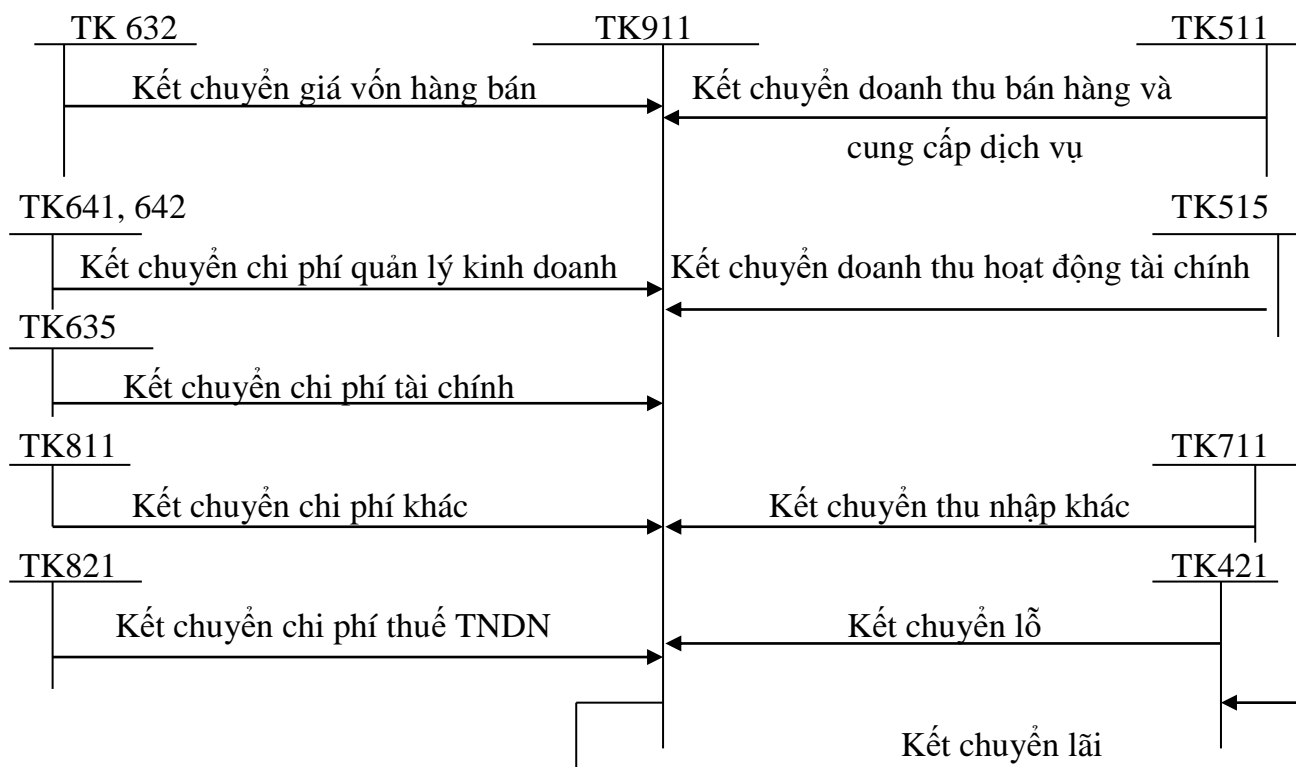
Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp. TK421 có thể có số dư Nợ hoặc dư Có:

- + Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý
- + Số dư bên có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng
- + TK421 có 2 tài khoản cấp 2:

TK4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

TK4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

- Phương pháp hạch toán



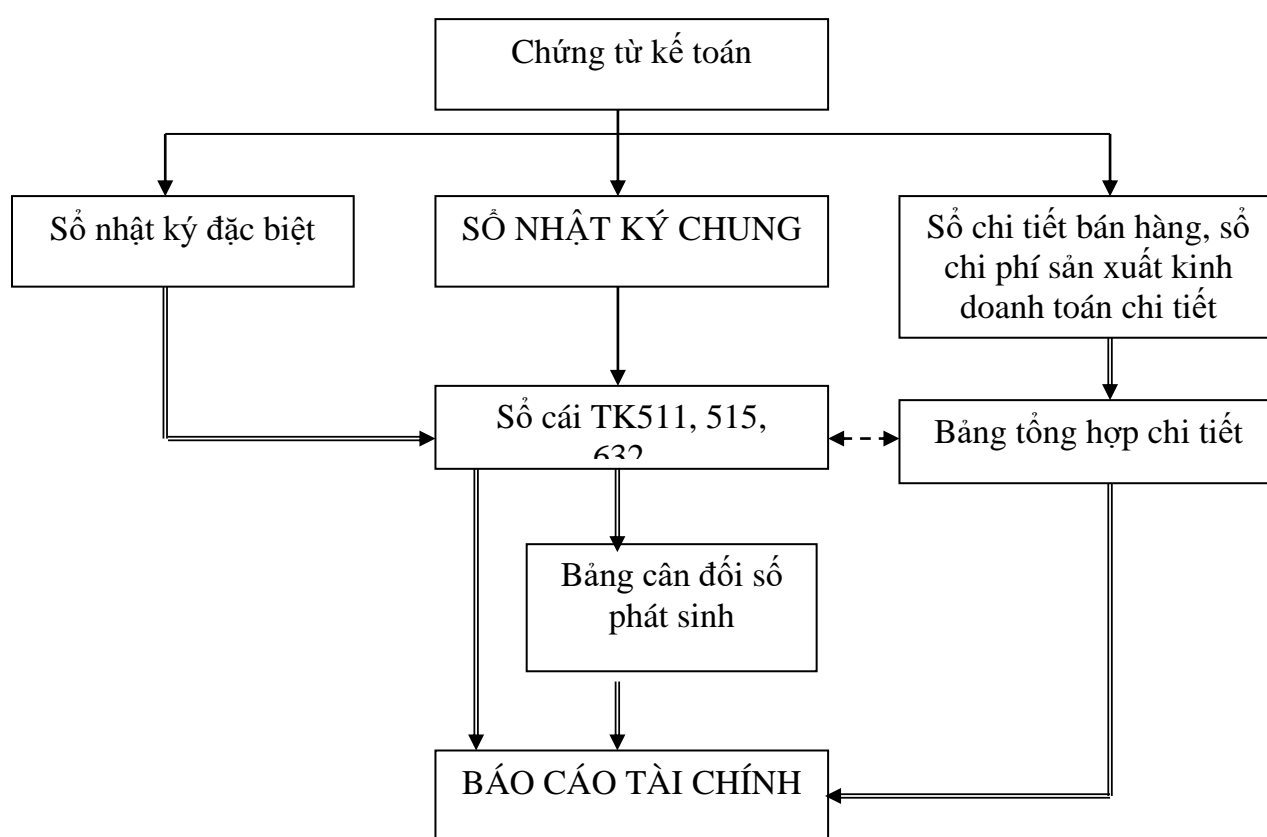
Sơ đồ 1.10 : Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán như sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

**Hình thức kế toán nhật ký chung*

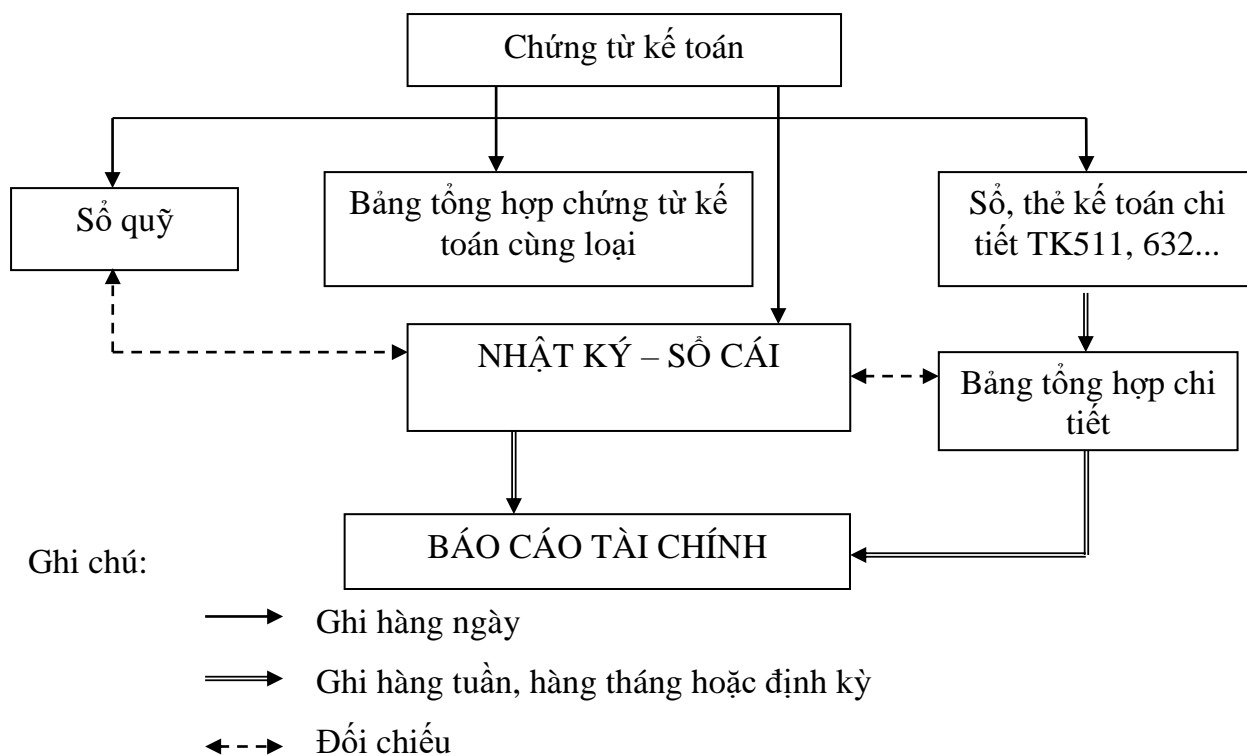


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi hàng tuần, hàng tháng hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu

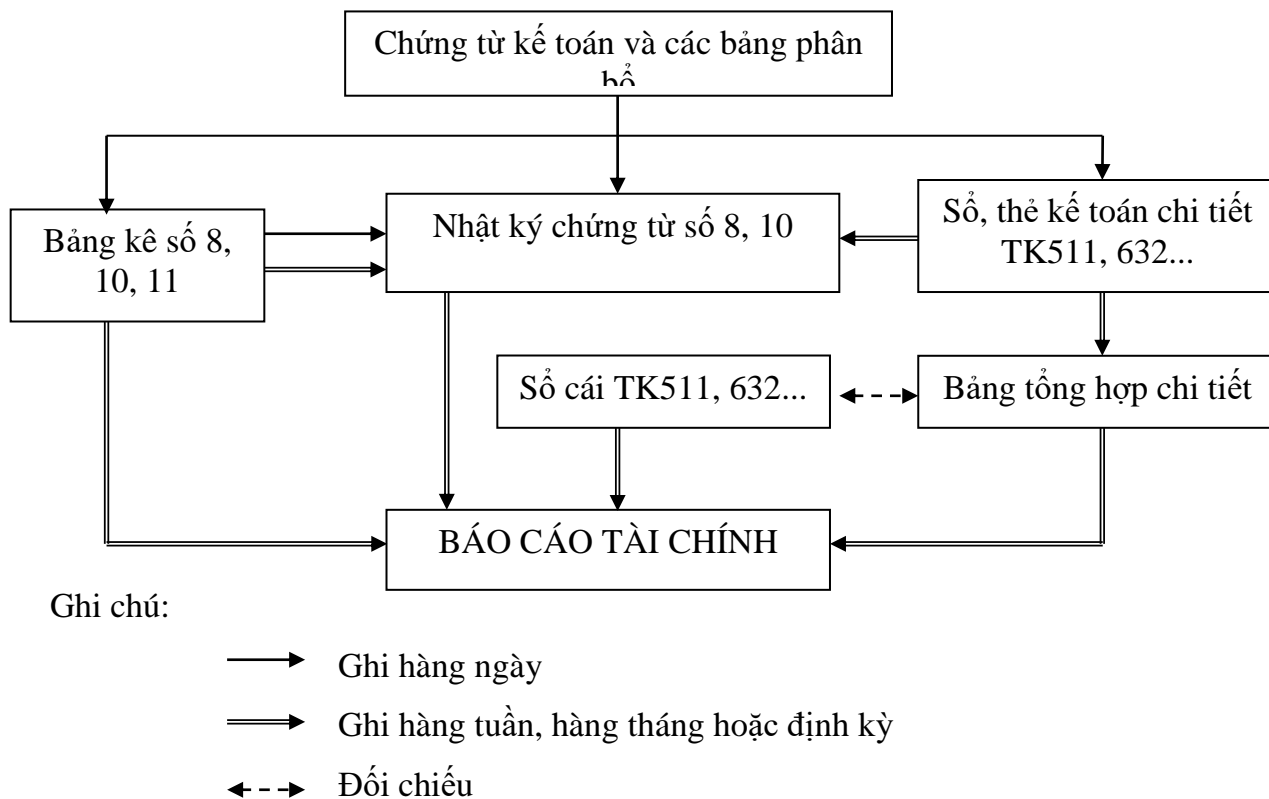
Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

**Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái*



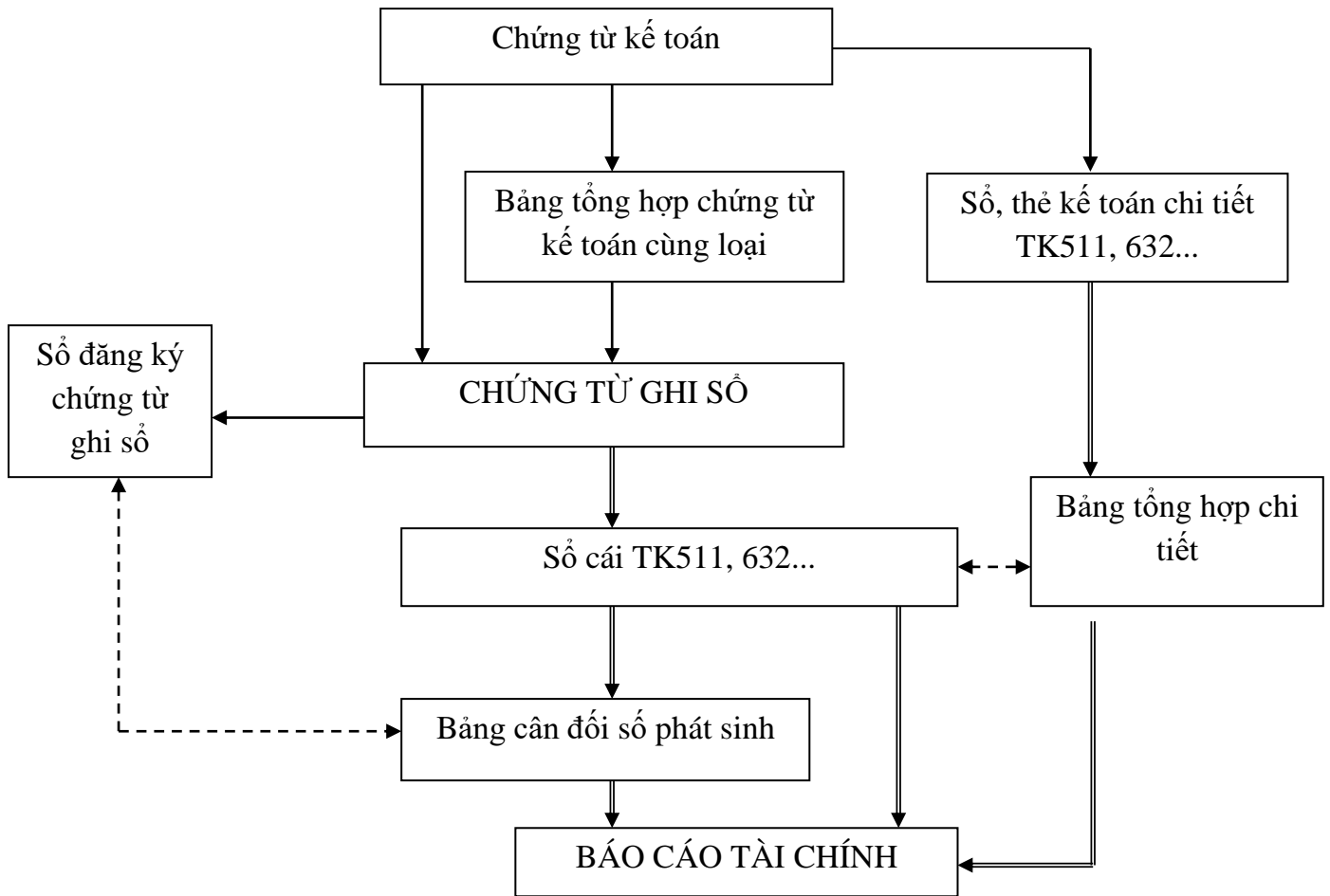
Sơ đồ 1.12 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái

**Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ*



Sơ đồ 1.13 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ

**Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ*

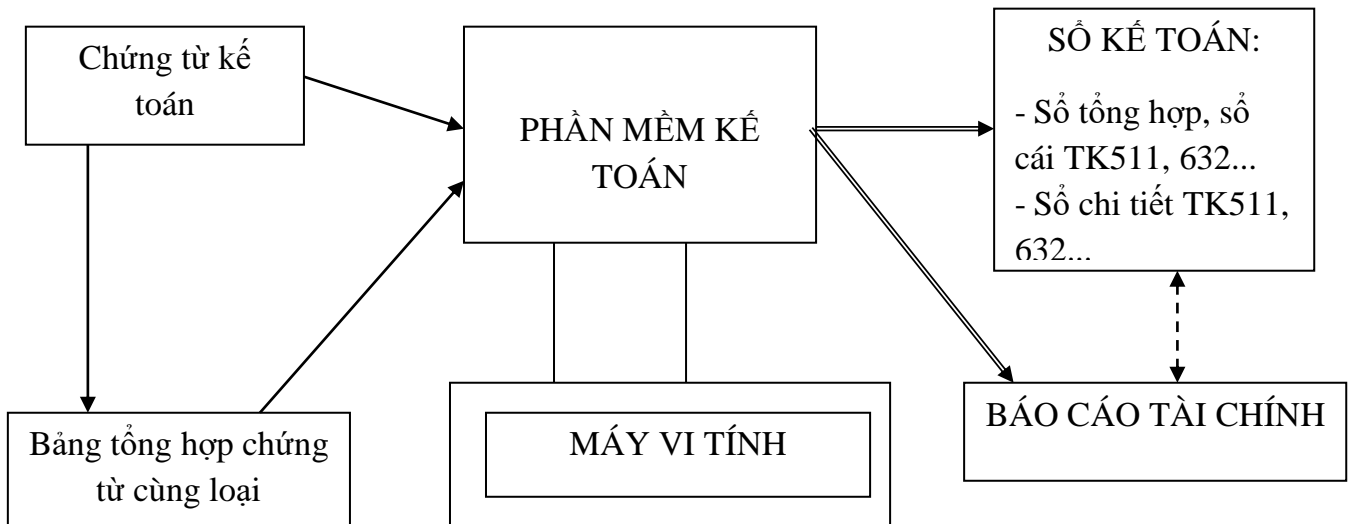


Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ==> Ghi hàng tuần, hàng tháng hoặc định kỳ
- <-.-> Đối chiếu

Sơ đồ 1.14 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

**Hình thức kế toán máy*



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi hàng tuần, hàng tháng hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu

Sơ đồ 1.15 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP
THƯƠNG MẠI KHỞI ĐẠT****2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt****2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt**

- Tên công ty: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

- Tên giao dịch: KHOI DAT TCCO.,LTD

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn

Trụ sở chính: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

- Mã số thuế: 0201284263

- Điện thoại: 031.3722169

- Hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp:

+ Kinh doanh buôn bán các mặt hàng về xây dựng.

+ Xây dựng nhà các loại

+ Lắp đặt hệ thống nước.

Công ty ban đầu chỉ hoạt động với số vốn ít ỏi, điều kiện làm việc khó khăn, thiếu nhân công và do mới đi vào hoạt động nên chưa được biết đến rộng rãi. Tuy nhiên lãnh đạo công ty cùng với cán bộ công nhân viên đã quyết tâm vượt qua mọi khó khăn để khẳng định uy tín và thương hiệu của mình. Qua đó, đã tạo được uy tín với các chủ đầu tư, đã và đang khẳng định được thương hiệu của mình trong lĩnh vực xây lắp thương mại tại Hải Phòng. Có thể thấy rõ sự phát triển của công ty qua bảng số liệu kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần đây:

Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu tài chính tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1. Tổng doanh thu thuần	8.785.336.400	9.823.436.672
2. Tổng GVHB	7.076.322.611	7.780.304.744
3. Tổng lợi nhuận gộp	1.709.013.789	2.043.131.928
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	1.049.121.309	1.277.661.189
5. Thu nhập bình quân 1 lao động/tháng	4.217.775	4.717.000
6. Thuế và các khoản phải nộp NSNN	209.824.262	255.532.238
7. Vốn kinh doanh bình quân	4.536.250.342	5.650.336.458

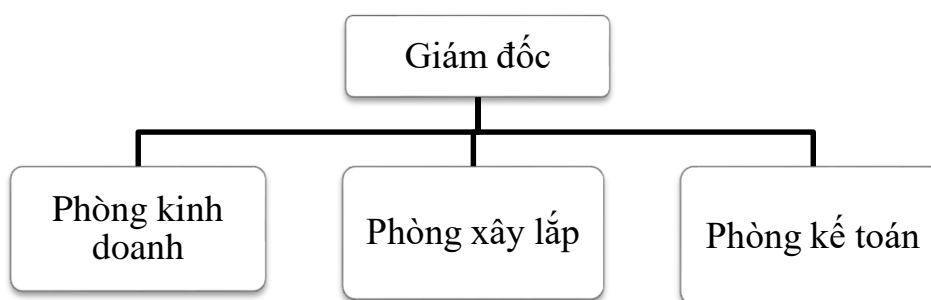
2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

* Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt theo lĩnh vực hoạt động: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

* Đối tượng hạch toán kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt hạch toán chung cho mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị

* Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt theo năm.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý trong công ty

*** Giám đốc:**

- Chức năng: là người đứng đầu có quyền lực cao nhất và là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công ty. Giám đốc là người ra quyết định đối với cấp dưới, thực hiện việc phân cấp, phân quyền với cấp dưới và tổ chức thực hiện phương án kinh doanh, tiến hành kiểm tra giám sát, kiểm soát kết quả hoạt động của công ty để đảm bảo sự tồn tại và phát triển của công ty.

*** Phòng kinh doanh:**

- Chức năng : tên gọi chung của bộ phận thuộc doanh nghiệp trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động tiếp thị- bán hàng tới các khách hàng và khách hàng tiềm năng của doanh nghiệp. Đây là phòng có chức năng quan trọng trong việc tạo ra doanh thu, lợi nhuận cũng như quyết định sự tồn tại và phát triển của công ty. Cụ thể phòng kinh doanh có nhiệm vụ:

- + Lập các kế hoạch kinh doanh và triển khai thực hiện
- + Thiết lập, giao dịch trực tiếp với hệ thống khách hàng, hệ thống nhà phân phối
- + Thực hiện hoạt động bán hàng tới các khách hàng nhằm mang lại doanh thu cho doanh nghiệp

*** Phòng xây lắp:**

- Chức năng: trực tiếp thi công, lắp đặt các công trình theo yêu cầu

- + Hỗ trợ, triển khai sản phẩm mới về mặt kỹ thuật xây lắp
- + Quản lý và đưa ra các chỉ thị liên quan về kỹ thuật cho các quy trình, công đoạn xây lắp

*** Phòng kế toán:**

- Chức năng: Thực hiện công tác tổng hợp báo cáo quản trị nội bộ, các báo cáo ra bên ngoài cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Thực hiện và giám sát các công việc về tài chính. Cụ thể phòng kế toán có nhiệm vụ:

+ Thực hiện việc tổ chức công tác kế toán, bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật.

+ Xây dựng hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống chứng từ, luân chuyển chứng từ, biểu mẫu, hệ thống sổ sách, hệ thống báo cáo theo đúng chế độ kế toán. Thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về kế toán tài chính theo đúng quy định của pháp luật và các quy chế, quy định và quy trình của công ty.

+ Giúp doanh nghiệp về lĩnh vực tài chính, theo dõi tình hình lợi nhuận của công ty và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

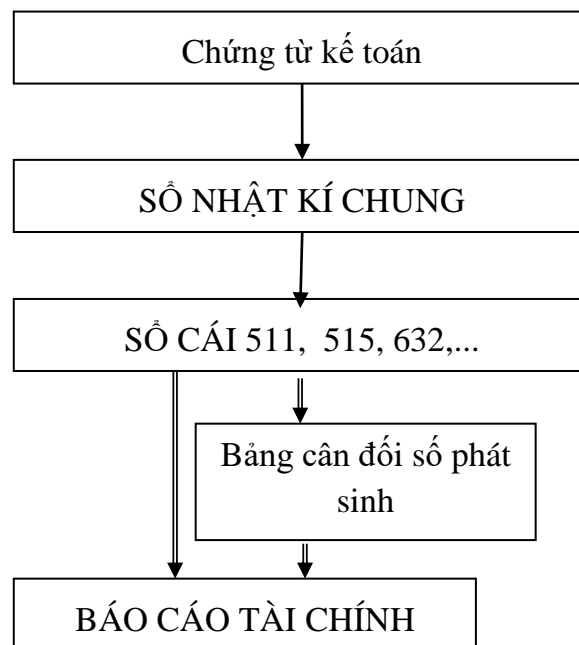
+ Tổng hợp số liệu kế toán và thực hiện các báo cáo tài chính theo quy định và yêu cầu của Công ty, của ngành và của Nhà nước.

+ Thực hiện quản lý, kiểm tra, kiểm soát chi phí hoạt động theo định mức tài chính, ngân sách và báo cáo Tổng giám đốc định kỳ tháng, quý, năm.

+ Lưu trữ hồ sơ, sổ sách, chứng từ, tài liệu kế toán theo quy định.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt.

- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp nhập trước - xuất trước
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Chế độ và chuẩn mực kế toán áp dụng: Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

** Chứng từ và sổ kế toán sử dụng*

- Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT

+ Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng...

+ Các chứng từ khác có liên quan...

- Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

**Ví dụ minh họa 1:*

Ngày 1/12, Bán 25 tấn xi măng Vicem cho cửa hàng vật liệu xây dựng Hùng Hà theo hóa đơn GTGT số 1063, đơn giá 1.340.000đ/tấn (chưa VAT 10%), chưa thanh toán.

**Định khoản:*

Nợ TK 131 : 36.850.000

Có TK 511 : 33.500.000

Có TK 3331: 3.350.000

Căn cứ vào hóa đơn số 0001063 (Biểu số 2.1), Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6)

Biểu số 2.1. Hóa đơn GTGT số HD1063

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/15P		
Ngày 1 tháng 12 năm 2015			Số: 0001063		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH XÂY LẮP THƯƠNG MẠI KHỞI ĐẠT					
Mã số thuế: 0201284263					
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3722169					
Số tài khoản: 3409678 tại NH Á Châu – Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Cửa hàng vật liệu xây dựng Hùng Hà					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: Thôn 5, xã Thủy Sơn. Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng					
Hình thức thanh toán:			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bán xi măng Vicem cho cửa hàng vật liệu xây dựng Hùng Hà	Tấn	25	1.340.000	33.500.000
Cộng tiền hàng:					33.500.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		3.350.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					36.850.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng:		Người bán hàng:		Thủ trưởng đơn vị:	
(Đã ký)		(Đã ký)		(Đã ký và đóng dấu)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

***Ví dụ minh họa 2:**

Ngày 15/12: Bán 180 m³ cát vàng cho công ty TNHH thương mại Song Thìn theo hóa đơn GTGT số 1069, đơn giá 240.000đồng/m³ (chưa thuế VAT 10%) đã thanh toán bằng chuyển khoản.

***Định khoản:**

Nợ TK 112 : 47.520.000

Có TK 511 : 43.200.000

Có TK 3331: 4.320.000

Căn cứ vào hóa đơn số 0001069 (Biểu số 2.2) và Giấy báo có của ngân hàng Á Châu số 0695 (Biểu số 2.3) kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6)

Biểu số 2.2. Hóa đơn GTGT số HD1069

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/15P		
Ngày 15 tháng 12 năm 2015			Số: 0001069		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH XÂY LẮP THƯƠNG MẠI KHỞI ĐẠT					
Mã số thuế: 0201284263					
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3722169					
Số tài khoản: 3409678 tại NH Á Châu – Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại Song Thìn					
Mã số thuế: 0200409537					
Địa chỉ: Số 1A đại lộ Tôn Đức Thắng, xã An Đồng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng					
Hình thức thanh toán:			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bán cát vàng cho Công ty TNHH thương mại Song Thìn	m ³	180	240.000	43.200.000
Cộng tiền hàng:					43.200.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		4.320.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					47.520.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng: (Đã ký)		Người bán hàng: (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị: (Đã ký và đóng dấu)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Biểu số 2.3. Giấy báo có của ngân hàng Á Châu

Ngân Hàng Á Châu

Chi nhánh: ACB – Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 15 - 12 - 2015

Mã GDV: BTTA

Mã KH: 10028

Số GD: 0695

Kính gửi: CÔNG TY TNHH XÂY LẮP THƯƠNG MẠI KHỞI ĐẠT

Mã số thuế : 0201284263

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 3409678

Số tiền bằng số: 47.520.000

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.

Nội dung: Công ty TNHH thương mại Song Thìn quyết toán hoàn công.

GIAO DỊCH VIÊN**KIỂM SOÁT***(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)*

***Ví dụ minh họa 3:**

Ngày 25/12, Bán 12.000 viên gạch 2 lỗ cho cửa hàng vật liệu xây dựng Năng Nghĩ theo hóa đơn GTGT số 1072, đơn giá 1.400đồng/viên (chưa thuế VAT 10%) đã thanh toán bằng tiền mặt

***Định khoản:**

Nợ TK 111 : 18.480.000

Có TK 511 : 16.800.000

Có TK 3331: 1.680.000

Căn cứ vào hóa đơn số 0001072 (Biểu số 2.4), kế toán tiến hành lập phiếu thu số 345 (Biểu số 2.5). Từ phiếu thu số 345 kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6)

Biểu số 2.4. Hóa đơn GTGT số HD1072

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/15P		
Ngày 25 tháng 12 năm 2015			Số: 0001072		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH XÂY LẮP THƯƠNG MẠI KHỞI ĐẠT					
Mã số thuế: 0201284263					
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3722169					
Số tài khoản: 3409678 tại NH Á Châu – Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Hoàng Văn Nghĩ					
Tên đơn vị: Cửa hàng vật liệu xây dựng Năng Nghĩ					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: 56, Ngã 3 cầu Đen, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng					
Hình thức thanh toán:			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bán gạch 2 lỗ cho cửa hàng vật liệu xây dựng Năng Nghĩ	viên	12.000	1.400	16.800.000
Tổng cộng tiền hàng:					16.800.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.68.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					18.480.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng: (Đã ký)		Người bán hàng: (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị: (Đã ký và đóng dấu)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Biểu số 2.5. Phiếu thu số 345**Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt****Mẫu số: 01 – TT**Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận
Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**PHIẾU THU**

Ngày 25 tháng 12 năm 2015

Số : 345

Nợ TK111 : 18.480.000

Có TK511 : 16.800.000

Có TK3331: 1.680.000

Họ và tên người nộp tiền: Lê Thanh Thủy

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do nộp: Cửa hàng vật liệu xây dựng Năng Nghĩ thanh toán tiền mua gạch 2 lỗ

Số tiền: 18.480.000

Viết bằng chữ: Mười tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Ngày 25 tháng 12 năm 2015

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Biểu số 2.6. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt			Mẫu số S03a – DN			
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Tháng 12 năm 2015						
Đơn vị tính: VND						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH	Số phát sinh	
	SH	NT		TKĐƯ	Nợ	Có
...
01/12	HĐ1063	01/12	Bán xi măng Vicem cho cửa hàng vật liệu xây dựng Hùng Hà	131	36.850.000	
				511		33.500.000
				3331		3.350.000
...
15/12	HĐ1069 BC695	15/12	Bán cát vàng cho công ty TNHH thương mại Song Thìn	112	47.520.000	
				511		43.200.000
				3331		4.320.000
...
25/12	HĐ1072 PT345	25/12	Bán gạch 2 lỗ cho cửa hàng vật liệu xây dựng Năng Nghĩ	111	18.480.000	
				511		16.800.000

				3331		1.680.000
...
			Cộng lũy kế từ đầu năm		24.640.120.148	24.640.120.148

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 511 (biểu số 2.7)

Biểu số 2.7. Trích sổ cái TK 511**Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt****Mẫu số S03b – DN**

Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI**Tháng 12 năm 2015****Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Số hiệu: 511**

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
01/12	HĐ1063	1/12	Bán xi măng Vicem cho cửa hàng VLXD Hùng Hà	131		33.500.000
...
15/12	HĐ1069 BC695	15/12	Bán cát vàng cho công ty TNHH thương mại Song Thìn	112		43.200.000
...
25/12	HĐ1072 PT345	25/12	Bán gạch 2 lô cho cửa hàng VLXD Năng Nghĩ	111		16.800.000
...
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	911	9.823.436.672	
			Cộng lũy kế từ đầu năm		9.823.436.672	9.823.436.672
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán

* Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu xuất kho

+ Các chứng từ khác có liên quan...

- Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ cái TK632: “Giá vốn hàng bán”

*Phương pháp hạch toán

***Ví dụ minh họa 1:**

Ngày 1/12, Bán 25 tấn xi măng Vicem cho cửa hàng vật liệu xây dựng Hùng Hà theo hóa đơn GTGT số 1063, đơn giá 1.340.000đ/tấn (chưa VAT 10%), chưa thanh toán.

***Định khoản:**

Nợ TK 632 : 25.000.000

Có TK 156 : 25.000.000

Dựa vào Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) (biểu số 2.8), kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho số 01 (Biểu số 2.9), sau đó tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.14)

Để xác định giá vốn hàng bán (theo phương pháp nhập trước - xuất trước):

Kế toán lấy số lượng 25 * 1.000.000 (Đơn giá tồn đầu kỳ) = 25.000.000

Biểu số 2.8. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt					Mẫu số S10 – DN					
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng					(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)					
<p>TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)</p> <p>Tháng 12 năm 2015</p> <p>Tài khoản: 156</p> <p>Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Xi măng Vicem</p> <p style="text-align: right;">Đơn vị tính: tấn</p>										
Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		1.000.000					<u>65</u>	<u>65.000.000</u>
PXK01	1/12	Xuất hàng theo HĐ 1063	632	1.000.000			25	25.000.000	40	40.000.000
PXK02	2/12	Xuất hàng theo HĐ 1064	632	1.000.000			20	20.000.000	20	20.000.000
...
		Cộng tháng			250	275.000.000	280	280.000.000		
		<u>Số dư cuối kỳ</u>							<u>35</u>	<u>60.000.000</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám Đốc
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Biểu số 2.9. Phiếu xuất kho số 1

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt				Mẫu số 02 – VT			
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận				(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			
Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng				Ngày 22/12/2014 của BTC)			
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 01 tháng 12 năm 2015							
Số: 1/12							
Nợ TK 632:							
Có TK 156:							
- Họ và tên người nhận hàng: Hoàng Văn Hùng							
- Địa chỉ: Cửa hàng vật liệu xây dựng Hùng Hà							
- Lý do xuất kho: Xuất hàng bán cho khách							
- Xuất tại kho (ngăn lô):							
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xi măng Vicem		tấn	25	25	1.000.000	25.000.000
	Cộng						25.000.000
- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi lăm triệu đồng chẵn.							
Ngày 01 tháng 12 năm 2015							
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc			
(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)			

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

***Ví dụ minh họa 2:**

Ngày 15/12: Bán 180 m³ cát vàng cho công ty TNHH thương mại Song Thìn theo hóa đơn GTGT số 1069, đơn giá 240.000đồng/m³ (chưa thuế VAT 10%) đã thanh toán bằng chuyển khoản.

***Định khoản:**

Nợ TK 632 : 34.200.000

Có TK 156 : 34.200.000

Dựa vào Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) (biểu số 2.10), kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho số 10 (Biểu số 2.11), sau đó tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.14)

Để xác định giá vốn hàng bán (theo phương pháp nhập trước - xuất trước):

Kế toán lấy số lượng $180 * 190.000$ (Đơn giá tồn đầu kỳ) = 34.200.000

Biểu số 2.10. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

Mẫu số S10 – DN

Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 12 năm 2015

Tài khoản: 156

Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): **Cát vàng**Đơn vị tính: m³

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		190.000					<u>450</u>	<u>85.500.000</u>
PXK07	09/12	Xuất hàng theo HĐ 1068	632	190.000			120	22.800.000	330	62.700.000
PXK10	15/12	Xuất hàng theo HĐ 1069	632	190.000			180	34.200.000	150	18.500.000
...
		Cộng tháng			800	160.000.000	1.000	190.000.000		
		<u>Số dư cuối kỳ</u>							<u>250</u>	<u>55.500.000</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám Đốc
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Biểu số 2.11. Phiếu xuất kho số 10

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

Mẫu số 02 – VT

Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2015

Số: 10/12

Nợ TK 632:

Có TK 156:

- Họ và tên người nhận hàng:
- Địa chỉ: Công ty TNHH thương mại Song Thìn
- Lý do xuất kho: Xuất hàng bán cho khách
- Xuất tại kho (ngăn lô):

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Cát vàng		m ³	180	180	190.000	34.200.000
	Cộng						34.200.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

Ngày 15 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu**Người nhận hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

***Ví dụ minh họa 3:**

Ngày 25/12, Bán 12.000 viên gạch 2 lỗ cho cửa hàng vật liệu xây dựng Năng Nghĩ theo hóa đơn GTGT số 1072, đơn giá 1.400đồng/viên (chưa thuế VAT 10%) đã thanh toán bằng tiền mặt

***Định khoản:**

Nợ TK 632 : 11.400.000

Có TK 156 : 11.400.000

Dựa vào Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) (biểu số 2.12), kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho số 01 (Biểu số 2.13), sau đó tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.14)

Để xác định giá vốn hàng bán (theo phương pháp nhập trước - xuất trước):

Kế toán lấy số lượng $12.000 * 950$ (Đơn giá tồn đầu kỳ) = 11.400.000

Biểu số 2.12. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt					Mẫu số S10 – DN					
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng					(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)					
TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)										
Tháng 12 năm 2015										
Tài khoản: 156										
Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): gạch 2 lỗ										
Đơn vị tính: viên										
Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		950					<u>50.000</u>	<u>47.500.000</u>
...
PXK14	20/12	Xuất hàng theo HĐ 1070	632	950			30.000	28.500.000	70.000	66.500.000
PXK17	25/12	Xuất hàng theo HĐ 1072	632	950			12.000	11.400.000	58.000	55.100.000
...
		Cộng tháng			80.000	88.000.000	100.000	95.000.000		
		<u>Số dư cuối kỳ</u>							<u>30.000</u>	<u>40.500.000</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2015										
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám Đốc				

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Biểu số 2.13. Phiếu xuất kho số 17**Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt****Mẫu số 02 – VT**

Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 25 tháng 12 năm 2015

Số: 17/12

Nợ TK 632:

Có TK 156:

- Họ và tên người nhận hàng:
- Địa chỉ: Cửa hàng vật liệu xây dựng Năng Nghĩ
- Lý do xuất kho: Xuất hàng bán cho khách
- Xuất tại kho (ngăn lô):

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Gạch 2 lỗ		viên	12.000	12.000	950	11.400.000
	Cộng						11.400.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.

Ngày 25 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu**Người nhận hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14. Trích sổ nhật ký chung

NT		Chứng từ		Diễn giải	SH	Số phát sinh	
GS	SH	NT	TKĐƯ		Nợ	Có	
...
01/12	PX 01	01/12	Bán xi măng Vicem cho cửa hàng vật liệu xây dựng Hùng Hà	632	25.000.000		
				156		25.000.000	
...
15/12	PX 10	15/12	Bán cát vàng cho công ty TNHH thương mại Song Thìn	632	34.200.000		
				156		34.200.000	
...
25/12	PX 17	25/12	Bán gạch 2 lỗ cho cửa hàng VLXD Năng Nghĩ	632	11.400.000		
				156		11.400.000	
...
			Cộng lũy kế từ đầu năm		24.640.120.148	24.640.120.148	

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK632 (biểu số 2.15)

Biểu số 2.15. Trích sổ cái TK 632

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt			Mẫu số S03b – DN			
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			
Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng			Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
TRÍCH SỔ CÁI						
Tháng 12 năm 2015						
Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán						
Số hiệu: 632						
Đơn vị tính: VND						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
01/ 12	PX 01	1/12	Bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng Hùng Hà	156	25.000.000	
...
15/ 12	PX 10	15/12	Bán cát vàng cho công ty TNHH thương mại Song Thìn	156	34.200.000	
...
25/ 12	PX 17	25/12	Bán gạch 2 lỗ cho cửa hàng VLXD Năng Nghĩ	156	11.400.000	
...
31/ 12	PKT 31	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	911		7.780.304.744
			Cộng lũy kế từ đầu năm		7.780.304.744	7.780.304.744
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

* Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT

+ Phiếu chi

+ Giấy báo nợ

+ Bảng thanh toán lương, bảng tính và phân bổ khấu hao

+ Các chứng từ khác có liên quan...

- Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ cái TK641: “Chi phí bán hàng”

+ Sổ cái TK642: “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

*Phương pháp hạch toán

***Ví dụ minh họa 1:**

Ngày 3/12: Công ty thanh toán tiền thuê xe phục vụ vận chuyển cho Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Trung Hải

***Định khoản:**

Nợ TK641: 2.000.000

Nợ TK133: 200.000

Có TK111: 2.200.000

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000742 (Biểu số 2.16), kế toán tiến hành lập phiếu chi số 325 (Biểu số 2.17), sau đó tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.22)

Biểu số 2.16. Hóa đơn GTGT số 742

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: AA/15P		
Ngày 3 tháng 12 năm 2015			Số: 0000742		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Trung Hải					
Mã số thuế: 0201397852					
Địa chỉ: 115B/198 Lê Thánh Tông, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành Phố Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3540788					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH XÂY LẮP THƯƠNG MẠI KHỞI ĐẠT					
Mã số thuế: 0201284263					
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3722169					
Hình thức thanh toán:			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thuê xe tải chở hàng				2.000.000
Cộng tiền hàng:					2.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		200.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.200.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng:		Người bán hàng:		Thủ trưởng đơn vị:	
(Đã ký)		(Đã ký)		(Đã ký và đóng dấu)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Biểu số 2.17. Phiếu chi số 325**Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt****Mẫu số: 02 – TT**Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận
Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**PHIẾU CHI**

Ngày 03 tháng 12 năm 2015

Số : 325

Nợ TK641 : 2.000.000

Nợ TK133 : 200.000

Có TK111: 2.200.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Minh

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi : Chi tiền thuê xe tải chở hàng

Số tiền: 2.200.000

Viết bằng chữ: Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Ngày 03 tháng 12 năm 2015

Giám đốc**Kế toán trưởng****Thủ quỹ****Người lập phiếu****Người nhận tiền**

(Ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

***Ví dụ minh họa 2:**

Ngày 10/12: Chi tiền mua văn phòng phẩm tại Công ty Cổ phần văn phòng phẩm Hoàng Mai theo hóa đơn GTGT số 1011, đã thanh toán bằng tiền mặt.

***Định khoản:**

Nợ TK642: 3.200.000

Nợ TK133: 320.000

Có TK111: 3.520.000

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 1011 (Biểu số 2.18), kế toán lập phiếu chi số 350 (biểu số 2.19), sau đó tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.22)

Biểu số 2.18. Hóa đơn GTGT số 1011

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: AA/15P		
Ngày 10 tháng 12 năm 2015			Số: 0001011		
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Văn phòng phẩm Hoàng Mai					
Mã số thuế: 0201063923					
Địa chỉ: 140 Phủ Thượng Đoạn, Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3601285					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH XÂY LẮP THƯƠNG MẠI KHỞI ĐẠT					
Mã số thuế: 0201284263					
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng					
Điện thoại: 031.3722169					
Hình thức thanh toán:			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Giấy in Double A	hộp	5	280.000	1.400.000
2	Bút bi	hộp	5	50.000	250.000
3	Bìa công nhân	cái	20	20.000	400.000
4	Giấy in plus	hộp	5	230.000	1.150.000
Cộng tiền hàng:					3.200.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		320.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					3.520.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng:		Người bán hàng:		Thủ trưởng đơn vị:	
(Đã ký)		(Đã ký)		(Đã ký và đóng dấu)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Biểu số 2.19. Phiếu chi số 350**Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt****Mẫu số: 02 – TT**Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận
Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**PHIẾU CHI**

Ngày 10 tháng 12 năm 2015

Số : 350

Nợ TK642 : 3.200.000

Nợ TK133 : 320.000

Có TK111: 3.520.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Minh

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi : Chi mua văn phòng phẩm

Số tiền: 3.520.000

Viết bằng chữ: Ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 12 năm 2015

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn..

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

***Ví dụ minh họa 3:**

Ngày 31/12: Công ty tính lương phải trả tháng 12 cho cán bộ công nhân viên, từ đó lập bảng phân bổ tiền lương và trích theo lương (Biểu số 2.20), sau đó kê toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.22)

Biểu số 2.20. Bảng phân bổ tiền lương và BHXH

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt			Mẫu số 11 – LĐTL									
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)									
TRÍCH BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI												
Tháng 12 năm 2015												
Đơn vị tính: VND												
Ghi có 334	Lương tính BH	Ghi có TK 338										
		Người sử dụng lao động chịu						Người lao động chịu				Cộng có TK 338
		BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Cộng	BHXH	BHYT	BHTN	Cộng		
		18%	3%	1%	2%		8%	1.5%	1%			
TK 622	23.220.000	16.585.000	2.985.300	497.550	165.850	331.700	3.980.400	1.326.800	248.775	165.850	1.741.425	5.721.825
TK 641	17.280.000	9.951.000	1.791.180	298.530	99.510	199.020	2.388.240	796.080	149.265	99.150	1.044.855	3.433.095
TK 642	41.040.000	23.219.000	4.179.420	696.570	232.190	464.380	5.572.560	1.857.520	348.285	232.190	2.437.995	8.010.555
Cộng	81.540.000	49.755.000	8.955.900	1.492.650	497.550	995.100	11.941.200	3.980.400	746.325	497.550	5.224.275	17.165.475

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

***Ví dụ minh họa 4:**

Ngày 31/12: Công ty tính khấu hao tháng 12, từ đó lập Bảng tính và phân bổ khấu hao (Biểu số 2.21), sau đó kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.22)

Biểu số 2.21. Bảng tính và phân bổ khấu hao

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt					Mẫu số 06 – TSCĐ		
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng					(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
TRÍCH BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỔ KHẤU HAO TSCĐ							
Tháng 12 năm 2015							
Đơn vị tính: VND							
STT	Chỉ tiêu	Thời gian sử dụng	Toàn doanh nghiệp		TK627	TK641	TK642
			Nguyên giá	Số khấu hao			
1	Số khấu hao trích tháng trước	10	645.454.545	5.378.788	1.075.758	1.613.636	2.689.394
2	Số khấu hao tăng tháng này			-	-	-	-
3	Số khấu hao giảm tháng này			-	-	-	-
4	Số khấu hao trích tháng này	10	645.454.545	5.378.788	1.075.758	1.613.636	2.689.394

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Biểu số 2.22. Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt			Mẫu số S03a – DN			
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Tháng 12 năm 2015						
Đơn vị tính: VND						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
3/12	PC 325	3/12	Chi tiền thuê xe	641	2.000.000	
				133	200.000	
				111		2.200.000
...
10/12	PC 350	10/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	642	3.200.000	
				133	320.000	
				111		3.520.000
...
31/12	BPBLT 12	31/12	Tính lương tháng 12	622	23.220.000	
				641	17.280.000	
				642	41.040.000	
				334		81.540.000
			Tính các khoản trích theo lương	622	3.980.400	
				641	2.388.240	
				642	5.572.560	
				334	5.224.275	
				338		17.165.475
...
31/12	BKH T12	31/12	Tính khấu hao tháng 12	627	1.075.758	
				641	1.613.636	
				642	2.689.394	
				214		5.378.783
			Cộng lũy kể từ đầu năm		24.640.120.148	24.640.120.148

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK641 (Biểu số 2.23) và sổ cái TK642 (Biểu số 2.24)

Biểu số 2.23. Trích sổ cái TK 641

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt			Mẫu số S03b – DN			
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			
Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng			Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
TRÍCH SỔ CÁI						
Tháng 12 năm 2015						
Tên tài khoản: Chi phí bán hàng						
Số hiệu: 641						
Đơn vị tính: VND						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
...
03/ 12	PC 325	3/12	Chi tiền thuê xe	111	2.000.000	
...
31/ 12	BPB LT12	31/12	Tính lương tháng 12	334	17.280.000	
			Tính các khoản trích theo lương	338	2.388.240	
31/ 12	BKH T12	31/12	Tính khấu hao tháng 12	214	1.613.636	
31/ 12	PKT 31	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	911		452.511.274
			Cộng lũy kế từ đầu năm		452.511.274	452.511.274
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Biểu số 2.24. Trích sổ cái TK 642

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI**Tháng 12 năm 2015****Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp****Số hiệu: 642**

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
...
10/ 12	PC 350	10/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	111	1.520.000	
...
31/ 12	BPB LT12	31/12	Tính lương tháng 12	334	41.040.000	
			Tính các khoản trích theo lương	338	5.572.560	
31/ 12	BKH T12	31/12	Tính khấu hao tháng 12	214	2.689.394	
31/ 12	PKT 31	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	911		321.387.517
			Cộng lũy kế từ đầu năm		321.387.517	321.387.517
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

* Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

+ Sổ phụ ngân hàng

+ Giấy báo có

+ Các chứng từ khác có liên quan...

- Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ cái TK515: “Doanh thu hoạt động tài chính”

*Phương pháp hạch toán

***Ví dụ minh họa 1:**

Ngày 31/12: Nhận được lãi tiền gửi Ngân hàng, số tiền 2.738.299 đồng bằng chuyển khoản.


***Định khoản:**

a, Nợ TK112: 2.738.299

 Có TK515: 2.738.299

Căn cứ vào Giấy báo có số 725 (Biểu số 2.25), kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.26)

Biểu số 2.25. Giấy báo có

 ASIA COMMERCIAL BANK	Mã GDV: BTTA
Ngân Hàng Á Châu	Mã KH: 10028
Chi nhánh: ACB – Hải Phòng	Số GD: 0725
GIẤY BÁO CÓ	
Ngày: 31 - 12 - 2015	
Kính gửi: CÔNG TY TNHH XÂY LẮP THƯƠNG MẠI KHỞI ĐẠT	
Mã số thuế : 0201284263	
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi Có: 3409678	
Số tiền bằng số: 2.738.299	
Số tiền bằng chữ: Hai triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn hai trăm chín mươi chín đồng.	
Nội dung: Lãi tiền gửi	
GIAO DỊCH VIÊN	KIỂM SOÁT

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Biểu số 2.26. Trích Nhật ký chung

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt			Mẫu số S03a – DN			
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			
Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng			Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Tháng 12 năm 2015						
Đơn vị tính: VND						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
3/12	PC 325	3/12	Chi tiền thuê xe	641	2.000.000	
				133	200.000	
				111		2.200.000
...
10/12	PC 350	10/12	Chi tiền mua VPP	642	3.200.000	
				133	320.000	
				111		3.520.000
...
31/12	BC 725	31/12	Nhận lãi tiền gửi	112	2.738.299	
				515		2.738.299
...
			Cộng lũy kế từ đầu năm		24.640.120.148	24.640.120.148

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK515 (biểu số 2.27)

Biểu số 2.27. Trích Sổ cái TK515

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt			Mẫu số S03b – DN			
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			
Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng			Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
TRÍCH SỔ CÁI						
Tháng 12 năm 2015						
Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính						
Số hiệu: 515						
Đơn vị tính: VND						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
...
31/12	BC 725	31/12	Nhận lãi tiền gửi	112		2.738.299
31/12	PKT 30	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	911	8.428.052	
			Cộng lũy kế từ đầu năm		8.428.052	8.428.052
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

2.2.3. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

* Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu kế toán

- Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ cái TK911: “Kết quả kinh doanh”

+ Sổ cái TK 821: “Chi phí thuế TNDN”

+ Sổ cái TK421: “Lợi nhuận chưa phân phối”

*Phương pháp hạch toán

***Ví dụ minh họa:**

Ngày 31/12: Các bút toán kết chuyển cuối năm 2015

Cuối năm, căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK511, TK515 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 30 (Biểu số 2.28) để kết chuyển doanh thu, thu nhập

Biểu số 2.28. Phiếu kế toán số 30**Đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt**

ĐC: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Năm 2015

Số: 30

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	9.823.436.672
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	8.428.052
	Cộng			9.831.864.724

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập**Kế toán trưởng****Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, đóng dấu)**(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)*

Căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK632, 641, 642 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 31 (Biểu số 2.29) để kết chuyển chi phí kinh doanh

Biểu số 2.29. Phiếu kế toán số 31

Đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt				
ĐC: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Năm 2015				
Số: 31				
Đơn vị tính: VND				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	7.780.304.744
2	Kết chuyển Chi phí bán hàng	911	641	452.511.274
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	321.387.517
	Cộng			8.554.203.535
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc		
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, đóng dấu)		

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 30 và Phiếu kế toán số 31 kế toán ghi vào sổ nhật chung (Biểu số 2.33)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK511 (Biểu số 2.7), Sổ cái TK515 (Biểu số 2.27), Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.15), Sổ cái TK 641 (Biểu số 2.23), Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.24), Sổ cái TK 911 (Biểu số 2.34)

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán tiến hành lập Phiếu kế toán số 32 (Biểu số 2.30) phản ánh thuế TNDN phải nộp

Biểu số 2.30. Phiếu kế toán số 32

Đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt				
ĐC: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Năm 2015				
Số: 32				
Đơn vị tính: VND				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp năm 2015	821	3334	319.415.297
	Cộng			319.415.297
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc		
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, đóng dấu)		

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 32, kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.33)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK821 (Biểu số 2.35)

Căn cứ vào sổ cái TK821, kế toán lập Phiếu kế toán số 33 (Biểu số 2.31) phản ánh việc kết chuyển chi phí thuế năm 2015

Biểu số 2.31. Phiếu kế toán số 33

Đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt				
ĐC: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Năm 2015				
Số: 33				
Đơn vị tính: VND				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	821	319.415.297
	Cộng			319.415.297
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 33, kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.33)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK821 (Biểu số 2.35), Tài khoản 911 (Biểu số 2.34)

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán lập phiếu kế toán số 34 (Biểu số 2.32) phản ánh kết chuyển lợi nhuận sau thuế.

Biểu số 2.32. Phiếu kế toán số 34

Đơn vị: Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt				
ĐC: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Năm 2015				
Số: 34				
Đơn vị tính: VND				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2015	911	421	958.245.892
	Cộng			958.245.892
Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc		
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, đóng dấu)		

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 34, Kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.33)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK911 (Biểu số 2.34), sổ cái TK421 (Biểu số 2.36)

Căn cứ vào các sổ cái, Kế toán lập Bảng cân đối tài khoản (Biểu số 2.37) và bảng Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015 (Biểu số 2.38)

Biểu số 2.33. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt			Mẫu số S03a – DN			
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			
Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng			Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Tháng 12 năm 2015						
Đơn vị tính: VND						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKDU'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/12	PKT 30	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	511	9.823.436.672	
				515	8.428.052	
				911		9.831.864.724
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	911	8.554.203.535	
				632		7.780.304.744
				641		452.511.274
				642		321.387.517
31/12	PKT 32	31/12	Thuế TNDN phải nộp	821	319.415.297	
				3334		319.415.297
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	319.415.297	
				821		319.415.297
31/12	PKT 34	31/12	Lợi nhuận sau thuế	911	958.245.892	
				421		958.245.892
			Cộng lũy kế từ đầu năm		24.640.120.148	24.640.120.148

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Biểu số 2.34. Sổ cái TK 911**Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt****Mẫu số S03b – DN**

Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI**Tháng 12 năm 2015****Tên tài khoản: Kết quả kinh doanh****Số hiệu: 911**

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT 30	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	511		9.823.436.672
				515		8.428.052
31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	632	7.780.304.744	
				641	452.511.274	
				642	321.387.517	
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	821	319.415.297	
31/12	PKT 34	31/12	Lợi nhuận sau thuế	421	958.245.892	
			Cộng lũy kế từ đầu năm		9.831.864.724	9.831.864.728
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Biểu số 2.35. Sổ cái TK 821

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt			Mẫu số S03b – DN			
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			
Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng			Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
TRÍCH SỔ CÁI						
Tháng 12 năm 2015						
Tên tài khoản: Thuế TNDN						
Số hiệu: 821						
Đơn vị tính: VND						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT 32	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	319.415.297	
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911		319.415.297
			Cộng lũy kế từ đầu năm		319.415.297	319.415.297
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Biểu số 2.36. Sổ cái TK 421

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

Mẫu số S03b – DN

Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**TRÍCH SỔ CÁI****Tháng 12 năm 2015****Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối****Số hiệu: 421**

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			354.037.231
			Số phát sinh			
31/12	PKT 34	31/12	Lợi nhuận sau thuế	911		958.245.892
			Cộng lũy kế từ đầu năm			958.245.892
			Số dư cuối năm			1.312.283.123

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Biểu số 2.37. Trích bảng cân đối số phát sinh

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

Mẫu số S06 – DN

Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH**Năm: 2015**

SH TK	Tên TK	SDDK		SPS trong kỳ		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...
421	Lợi nhuận chưa phân phối		354.037.231		958.245.892		1.312.283.123
511	Doanh thu BH và CCDV			9.823.436.672	9.823.436.672		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			8.428.052	8.428.052		
632	Giá vốn hàng bán			7.780.304.744	7.780.304.744		
641	Chi phí bán hàng			452.511.274	452.511.274		

642	Chi phí QLDN			321.387.517	321.387.517		
821	Chi phí thuế TNDN			319.415.297	319.415.297		
911	Xác định kết quả kinh doanh			9.831.864.724	9.831.864.724		
	Tổng	4.794.956.452	4.794.956.452	24.640.120.148	24.640.120.148	5.241.823.654	5.241.823.654

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

Biểu số 2.38. Bảng báo cáo kết quả kinh doanh

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

Mẫu số B02 – DN

Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tiền: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	9.823.436.672	8.785.336.400
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		9.823.436.672	8.785.336.400
4	Giá vốn hàng bán	11		7.780.304.744	7.076.322.611
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.043.131.928	1.709.013.789
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	8.428.052	6.755.771
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	0	0
	- Trong đó: chi phí lãi vay	23		0	0
8	Chi phí bán hàng	24		452.511.274	396.463.251
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		321.387.517	270.185.000
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(22+24+25))	30		1.277.661.189	1.049.121.309
11	Thu nhập khác	31		0	0
12	Chi phí khác	32		0	0
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	0
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.277.661.189	1.049.121.309
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	255.532.238	209.824.262
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	0	0
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.022.128.951	839.297.047
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY LẮP THƯƠNG MẠI KHỞI ĐẠT

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả nói riêng tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

3.1.1. Ưu điểm

- Về công tác quản lý:

+ Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

+ Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng, nhanh chóng hơn

- Về công tác kế toán:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, mỗi kế toán được phân công, phụ trách một mảng riêng đảm bảo sự chuyên môn hóa nhưng vẫn phối hợp một cách chặt chẽ.

+ Các kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu để đảm bảo tính chính xác đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của Công ty.

- Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán

+ Công ty áp dụng theo hình thức nhật ký chung, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên. Nó giúp cho việc quản lý và theo dõi quá trình nhập, xuất, tồn hàng óa một cách dễ dàng.

- Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

+ Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

+ Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời nhằm tránh tình trạng chi không, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Giúp doanh nghiệp có thể quản lý các chi phí một cách hợp lý hơn.

+ Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phân nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty. Giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

3.1.2. Hạn chế

+ Công ty vẫn chưa hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí nhằm theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp cho từng mặt hàng.

+ Công ty vẫn chưa áp dụng chiết khấu thanh toán. Đây là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán trước thời hạn trong hợp đồng. Áp dụng mức chiết khấu thanh toán sẽ kích thích khách hàng thanh toán trước hạn, làm tăng khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

+ Do công ty kinh doanh các mặt hàng về xây dựng như cát, xi măng, gạch... Đây là những mặt hàng không thể tránh khỏi những rủi ro như biến động về giá cả trên thị trường hoặc chất lượng hàng hóa giảm sút do tồn kho lâu ngày.

+ Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán: Ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh chóng và chính xác hơn. Tuy nhiên tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt, mặc dù đã sử dụng máy tính để lưu trữ sổ sách, số liệu nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như Word, Excel mà không sử dụng phần mềm kế toán như MISA, Gama, Fast Accounting, ...

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt chưa thực sự hoàn thiện vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy được hiệu quả.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Mục đích của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao

Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất...phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình. Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra. Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đã đạt được trong công tác hạch toán.

3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

3.4.1. Kiến nghị 1: Hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí

- *Lý do kiến nghị:* Sản phẩm kinh doanh của Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt thường có giá trị lớn và thời gian thanh toán dài nhưng công tác kế toán của chưa mở sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng.
- *Mục tiêu của giải pháp:* Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý được cụ thể, chi tiết đến từng mặt hàng và theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng dễ dàng, chính xác hơn.
- *Cách thức tiến hành giải pháp:* Đề xuất 02 mẫu:

Biểu số 3.1. Sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt					Mẫu số S35 - DN				
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng					(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)				
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG									
Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):									
Năm:									
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						
					Ngày tháng năm				
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc			
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)			

Mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 632 như biểu số 3.2, tạo điều kiện cho việc theo dõi giá vốn tương ứng của từng mặt hàng đã được mở ở sổ chi tiết bán hàng

Biểu số 3.2. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng					Mẫu số S36 - DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)								
SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH (Dành cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 242, 335, 632)													
Tài khoản: Tên phân xưởng: Tên sản phẩm, dịch vụ:													
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi Nợ Tài khoản								
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
					
A	B	C	D	E									
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ										
			- Cộng số phát sinh trong kỳ - Ghi Có TK... - Số dư cuối kỳ										

** Lấy ví dụ 1 ở phần doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp*

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 1063 xuất bán 25 tấn xi măng cho cửa hàng vật liệu xây dựng Hùng Hà, kế toán tiến hành nhập các sổ sách liên quan (như trên), sau khi nhập vào sổ chi tiết TK511 kế toán tiến hành nhập vào sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 3.3)

Biểu số 3.3. Sổ chi tiết bán hàng**Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt**

Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

Mẫu số S35 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản: 511

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Xi măng Vicem

Năm: 2015

ĐVT: Tấn

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3=1*2	4	5
1/12	HĐ1063	1/12	Bán xi măng Vicem	131	25	1.340.000	33.500.000	3.350.000	
			Cộng số phát sinh				1.336.700.000		
			- Doanh thu thuần				1.336.700.000		
			- Giá vốn hàng bán				1.094.200.000		
			- Lãi gộp				242.500.000		

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

Biểu số 3.4. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt				Mẫu số S36 - DN				
Địa chỉ: Số 18 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng				(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)				
SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH								
(Dành cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 242, 335, 632)								
- Tài khoản: 632								
- Tên sản phẩm, dịch vụ: Xi măng Vicem								
Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi Nợ Tài khoản			
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra		
					
A	B	C	D	E				
1/12	PX 01	1/12	- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ Bán xi măng Vicem cho cửa hàng VLXD Hùng Hà	156	25.000.000			
			- Cộng số phát sinh trong kỳ - Ghi Có TK.632 - Số dư cuối kỳ	911	1.094.200.000 1.094.200.000			

- *Hiệu quả mang lại do thực hiện giải pháp:* Nếu Công ty mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, chi phí bán hàng cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng giúp cho Công ty thấy được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm. Từ đó Công ty sẽ đưa ra những quyết định xem nên mở rộng, thu hẹp hay ngừng kinh doanh mặt hàng nào của Công ty.

3.4.2. Kiến nghị 3: Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- *Lý do kiến nghị:* Doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng về xây dựng nên dễ dẫn đến tình trạng hư hại, tăng hoặc giảm giá của sản phẩm hàng hóa trong kho.

Qua tìm hiểu em chưa thấy công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- *Mục tiêu của giải pháp:* Vận dụng nguyên tắc thận trọng của người làm kế toán nhằm bù đắp về rủi ro tài chính có thể xảy ra.

- Cách thức tiến hành giải pháp:

Doanh nghiệp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được thực hiện theo đúng các quy định của Chuẩn mực kế toán “Hàng tồn kho” và quy định của chế độ tài chính hiện hành.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán chúng.

Khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng loại vật tư, hàng hóa, từng loại dịch vụ cung cấp dở dang, xác định khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập:

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tăng dự phòng và ghi tăng giá vốn hàng bán.

- Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm giá vốn hàng bán.

** Phương pháp hạch toán*

- Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2294).

- Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2294)

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

- Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (số được bù đắp bằng dự phòng)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có các TK 152, 153, 155, 156.

- *Hiệu quả mang lại do thực hiện giải pháp:* Nếu công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ bù đắp được rủi ro tài chính, đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ hạch toán.

3.4.3. Kiến nghị : Áp dụng phần mềm kế toán

- *Lý do kiến nghị:* Hiện tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt vẫn đang sử dụng Word, Excel trong công tác kế toán song nó vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất dẫn đến việc tìm kiếm, quản lý dữ liệu, thực hiện phân hành kế toán của Công ty mất rất nhiều thời gian và tốn nhiều nhân lực cho công việc của phòng kế toán.

- *Mục tiêu giải pháp:* Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán, tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời

- *Cách thức tiến hành giải pháp:* Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Vacom, Fast....

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015

Thông tin phần mềm: MISA SME.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán. MISA

SME.NET 2015 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

Giao diện phần mềm:

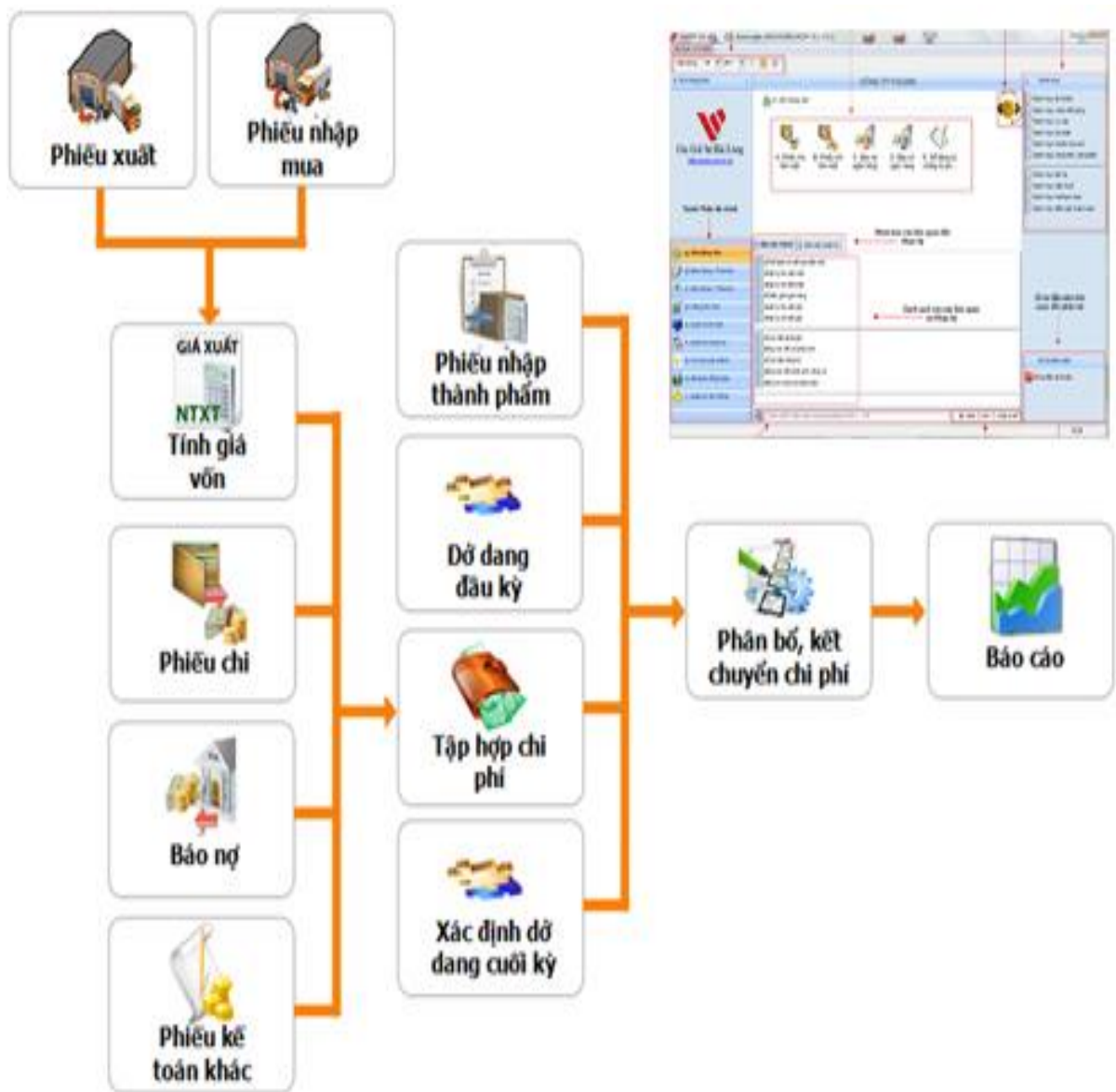
Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015



- Thông tin về giá cả các gói sản phẩm là:

Gói sản phẩm	Đơn giá	Mô tả
Express	Miễn phí	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Starter	2.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Standard	6.950.000 đồng	Gồm 11 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Professional	8.950.000 đồng	Gồm 13 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Enterprise	10.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.

- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần Misa (MISA JSC).
Liên hệ: www.misa.com.vn.
- Phần mềm kế toán VACOM

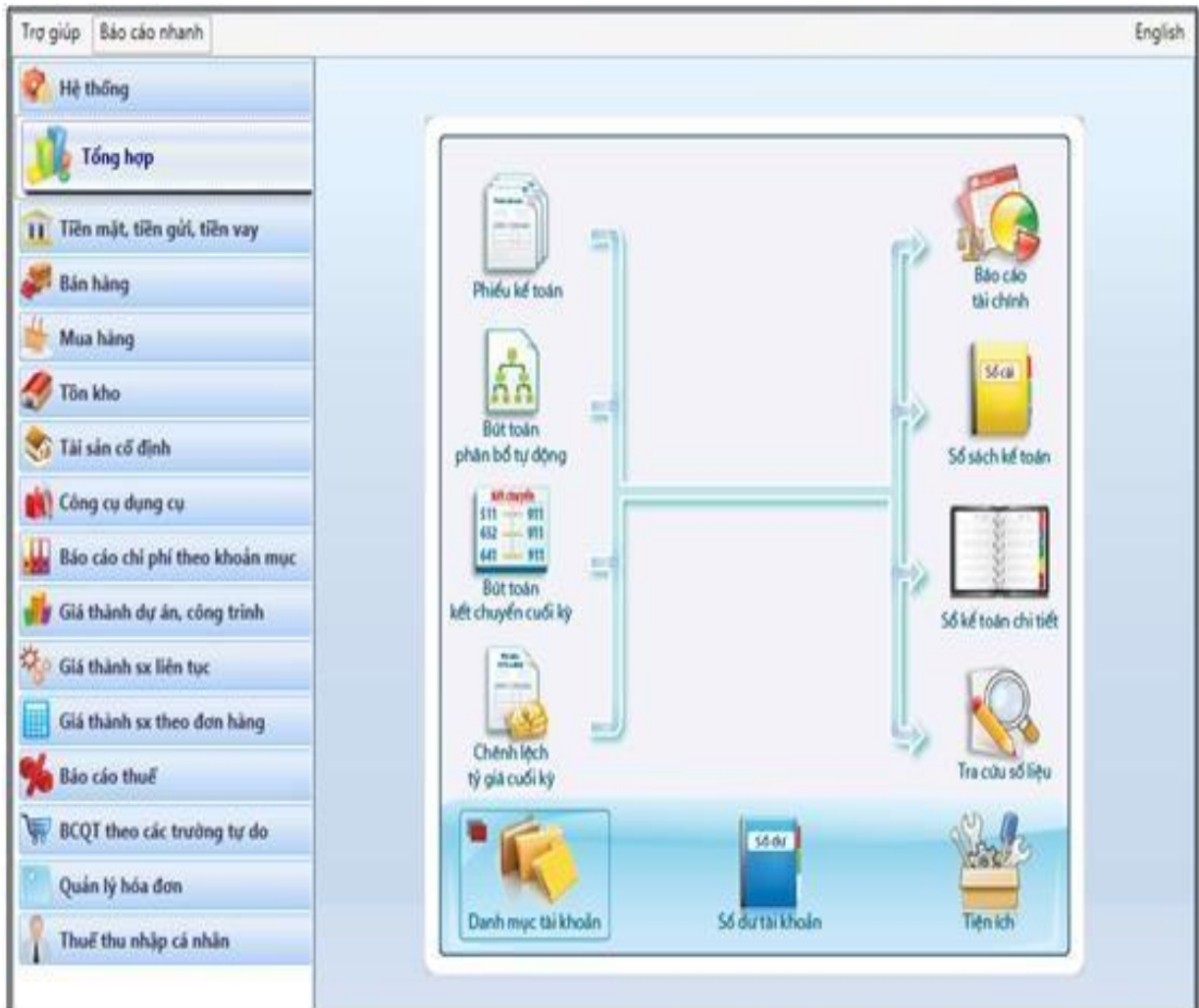


Hình 3.2. Giao diện phần mềm kế toán máy VACOM

- Thông tin về gói sản phẩm, thông tin về giá cả: liên hệ đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần công nghệ phần mềm kế toán VACOM.
- Website: www.vacom.com.vn

- Phần mềm Kế toán Fast accounting

Thông tin phần mềm: Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất....

Giao diện phần mềm

Hình 3.3: Giao diện phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING 2015

- Thông tin về giá cả: Giá phần mềm kế toán FAST Accounting 10.0 dành cho loại hình doanh nghiệp thương mại là: 8.000.000 đồng.

Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST. Liên hệ: www.fast.com.vn

- *Hiệu quả mang lại do thực hiện giải pháp:* Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm được thời gian, chi phí và sức lao động, nâng cao hiệu quả công việc. Các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn và chuyên nghiệp hơn

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt

3.5.1. Về phía Nhà nước

- Có chính sách hỗ trợ doanh để khuyến khích doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, có tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp

+ Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp

+ Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

+ Tổ chức công tác kế toán tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp.

+ Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phân hành và giữa các phân hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, hoàn chuyển chứng từ, cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra

+ Doanh nghiệp cần tạo lập mối quan hệ bền vững với khách hàng. Đây là yếu tố quyết định việc bình ổn doanh thu trong doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của các doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt em đã áp dụng cơ sở lý luận được học ở trường và thực hiện công tác “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt” đã giúp em nắm bắt được một số đặc điểm về công tác kế toán ở công ty. Có thể thấy Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt có hệ thống đầy đủ những lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp. Đồng thời cũng phản ánh khách quan, toàn diện về công tác kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh và công tác kế toán chung tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt như:

- Kiến nghị về việc hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.
- Kiến nghị về việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Kiến nghị về việc áp dụng phần mềm kế toán

Với sự cố gắng của bản thân cùng với sự giúp đỡ hướng dẫn tận tình của Ths Nguyễn Đức Kiên và của ban lãnh đạo, các phòng ban trong Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt em đã hoàn thành đề tài này. Tuy vậy do hiểu biết về kế toán của em còn hạn chế nên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, em rất mong có được sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy, cô giáo cùng cán bộ phòng kế toán của Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Ths. Nguyễn Đức Kiên và phòng kế toán tại Công ty TNHH xây lắp thương mại Khởi Đạt đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này!

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (Năm 2010), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán*, NXB Giao thông vận tải.
2. Bộ Tài chính (Năm 2010), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán*, NXB Giao thông vận tải.
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.
5. TS. Bùi Văn Dương (Năm 2007), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
6. TS. Phạm Huy Đoán (Năm 2004), *Hệ thống kế toán doanh nghiệp*, NXB tài chính Hà Nội.

Hải Phòng, ngày ... tháng năm 2016

Sinh viên thực hiện

Trần Hồng Diên